

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

**NGÀNH : QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG**  
**MÃ NGÀNH : 7810202**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 576 /QĐ-UEF ngày 29/7/2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)*

### I. THÔNG TIN CHUNG:

#### 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

**Tên ngành đào tạo:**

- Tên tiếng Việt: **QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG**
- Tên tiếng Anh: **RESTAURANT AND CULINARY MANAGEMENT**

**Các chuyên ngành:**

- Chuyên ngành 1. Quản trị nhà hàng quốc tế bền vững.
- Chuyên ngành 2. Khởi nghiệp ẩm thực.

**Trình độ đào tạo:** Đại học.

**Thời gian đào tạo:** 4 năm.

**Tên văn bằng tốt nghiệp:**

- Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Restaurant and Culinary Management

**Hình thức đào tạo:** Chính quy.

**Bậc trình độ:** Bậc 6 Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

**Khóa học áp dụng:** 2025 - 2029.

#### 1.2. Mục tiêu đào tạo:

##### a) Mục tiêu chung (Program Goals)

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống theo định hướng nghề nghiệp, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe; có kiến thức toàn diện, chuyên sâu về quản lý nhà hàng, tổ chức sự kiện, chuyên gia về ẩm thực và dinh dưỡng, đầu bếp chuyên nghiệp, đến kỹ năng phục vụ và quản lý chất lượng dịch vụ tương thích với xu thế hội nhập quốc tế và sự phát triển của các ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh và quản lý ngành ẩm thực; có khả năng phân tích, đánh giá và áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh và tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo đáp ứng các yêu cầu thị trường lao động quốc tế, theo định hướng công dân toàn cầu; có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng và có nền tảng kiến thức vững chắc để tiếp tục học tập và nghiên cứu ở bậc học cao hơn.

## **b) Mục tiêu cụ thể (Program Objectives – POs)**

- PO1 (Kiến thức): Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; kiến thức nền tảng và chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống tương thích với môi trường thể chế quốc gia, ứng dụng công nghệ và bảo mật dữ liệu trong quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; kiến thức bổ trợ cần thiết để phục vụ yêu cầu công việc.

- PO2 (Kỹ năng): Trang bị, rèn luyện cho người học kỹ năng thực hành nghề nghiệp về thiết lập, triển khai và kiểm soát kế hoạch kinh doanh trong quản trị nhà hàng, khởi nghiệp ẩm thực, quản trị chuỗi ẩm thực; kỹ năng sáng tạo trong chế biến, phát triển món ăn dựa trên kiến thức dinh dưỡng và kỹ thuật ẩm thực phân tử trong chế biến thực phẩm. Áp dụng chuyển đổi số ở nhiều bối cảnh đa dạng về văn hóa, ứng dụng kiến thức chuyên môn và liên ngành để giải quyết những vấn đề thực tế; kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm và hội nhập toàn cầu.

- PO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm): Hình thành và phát triển cho người học ý thức đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm cộng đồng; năng lực tư duy độc lập, sáng tạo và phối hợp với người khác trong học tập, nghiên cứu và làm việc, thích nghi với môi trường làm việc đa văn hoá và hội nhập, định hướng công dân toàn cầu trong ngành quản trị nhà hàng và khởi nghiệp ẩm thực.

### **1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp.Hồ Chí Minh.

### **1.4. Điều kiện tốt nghiệp:**

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: 557/QĐ-UEF ngày 24/7/2025 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy, khóa 2025.

## II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 125 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

| STT      | Khối kiến thức                                  | Khối lượng kiến thức |                      |                      |         |
|----------|-------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|---------|
|          |                                                 | Số tín chỉ           | Bắt buộc             | Tự chọn              | Tỉ lệ % |
| <b>1</b> | <b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>             | <b>41</b>            | <b>41</b>            |                      | 32,8%   |
| 1.1      | <i>Khoa học xã hội</i>                          | 6                    | 6                    | -                    |         |
| 1.2      | <i>Khoa học chính trị</i>                       | 11                   | 11                   | -                    |         |
| 1.3      | <i>Pháp luật</i>                                | 3                    | 3                    | -                    |         |
| 1.4      | <i>Tin học</i>                                  | 3                    | 3                    | -                    |         |
| 1.5      | <i>Ngoại ngữ (tiếng Anh)</i>                    | 18                   | 18                   | -                    |         |
| <b>2</b> | <b>Kiến thức cơ sở ngành</b>                    | <b>18</b>            | 18                   | -                    | 14,4%   |
| <b>3</b> | <b>Kiến thức chuyên ngành</b>                   | <b>45</b>            | 30                   | 15                   | 36,0%   |
| <b>4</b> | <b>Kiến thức bổ trợ</b>                         | <b>12</b>            | 6                    | 6                    | 9,6%    |
| <b>5</b> | <b>Thực tập thực tế</b>                         | <b>9</b>             | 3                    | 6                    | 7,2%    |
| <b>6</b> | <b>Kiến thức không tích lũy</b>                 |                      |                      |                      |         |
| 6.1      | <i>Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)</i>            |                      |                      | √                    |         |
| 6.2      | <i>Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết)</i> |                      | √                    |                      |         |
|          | <b>Tổng cộng</b>                                | <b>125</b>           | <b>98</b><br>(78,4%) | <b>27</b><br>(21,6%) |         |

## 2.2. Khung chương trình:

| TT                              | Mã HP   | Tên học phần                                      |                                                | Loại HP | Ngôn ngữ | Số tín chỉ |    |    |    |    | Mã HP trước | Mã HP song hành | Học phần điều kiện (*) |
|---------------------------------|---------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------|----------|------------|----|----|----|----|-------------|-----------------|------------------------|
|                                 |         | Tiếng Việt                                        | Tiếng Anh                                      |         |          | Tổng       | LT | TH | ĐA | TT |             |                 |                        |
| 1. Kiến thức giáo dục đại cương |         |                                                   |                                                |         |          | 41         |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 1.1. Khoa học xã hội            |         |                                                   |                                                |         |          | 6          |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 1.1.1                           | TOU1134 | Văn hóa du lịch                                   | Tourism Culture                                | BB      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |
| 1.1.2                           | TOU1146 | Phương pháp nghiên cứu trong du lịch và khách sạn | Researching Methods in Tourism and Hospitality | BB      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |
| 1.2. Khoa học chính trị         |         |                                                   |                                                |         |          | 11         |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 1.2.1                           | POL1111 | Triết học Mác-Lênin                               | Marxist-Leninist Philosophy                    | BB      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 1.2.2                           | POL1112 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin                       | Marxist-Leninist Political Economics           | BB      |          | 2          | 2  |    |    |    |             |                 |                        |
| 1.2.3                           | POL1113 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Scientific Socialism                           | BB      |          | 2          | 2  |    |    |    |             |                 |                        |
| 1.2.4                           | POL1114 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | Ho Chi Minh Ideology                           | BB      |          | 2          | 2  |    |    |    |             |                 |                        |
| 1.2.5                           | POL1115 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                    | History of the Communist Party of Vietnam      | BB      |          | 2          | 2  |    |    |    |             |                 |                        |
| 1.3. Pháp luật                  |         |                                                   |                                                |         |          | 3          |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 1.3.1                           | LAW1101 | Pháp luật đại cương                               | Introduction to Law                            | BB      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |

| TT                       | Mã HP    | Tên học phần                         |                                                 | Loại HP | Ngôn ngữ | Số tín chỉ |    |    |    |    | Mã HP trước | Mã HP song hành | Học phần điều kiện (*) |
|--------------------------|----------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|---------|----------|------------|----|----|----|----|-------------|-----------------|------------------------|
|                          |          | Tiếng Việt                           | Tiếng Anh                                       |         |          | Tổng       | LT | TH | ĐA | TT |             |                 |                        |
| 1.4. Tin học             |          |                                      |                                                 |         |          | 3          |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 1.4.1                    | ITE1292  | Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng | Informatics and Applied Artificial Intelligence | BB      |          | 3          | 2  | 1  |    |    |             |                 | x                      |
| 1.5. Ngoại ngữ           |          |                                      |                                                 |         |          | 18         |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 1.5.1                    | ENG3201  | Tiếng Anh 1                          | English 1                                       | BB      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |
| 1.5.2                    | ENG3202  | Tiếng Anh 2                          | English 2                                       | BB      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |
| 1.5.3                    | ENG3203  | Tiếng Anh 3                          | English 3                                       | BB      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |
| 1.5.4                    | ENG3204  | Tiếng Anh 4                          | English 4                                       | BB      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |
| 1.5.5                    | ENG3205  | Tiếng Anh 5                          | English 5                                       | BB      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |
| 1.5.6                    | ENG3206  | Tiếng Anh 6                          | English 6                                       | BB      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |
| 2. Kiến thức cơ sở ngành |          |                                      |                                                 |         |          | 18         |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 2.1                      | ECO1101  | Kinh tế vi mô                        | Microeconomics                                  | BB      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |
| 2.2                      | MKT1101E | Marketing căn bản                    | Principles of Marketing                         | BB      | E        | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |
| 2.3                      | MGT1101  | Quản trị học                         | Principles of Management                        | BB      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |
| 2.4                      | TOU1101  | Tổng quan du lịch                    | Introduction to Tourism                         | BB      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |

| TT                               | Mã HP    | Tên học phần                                      |                                        | Loại HP | Ngôn ngữ | Số tín chỉ |    |    |    |    | Mã HP trước | Mã HP song hành | Học phần điều kiện (*) |
|----------------------------------|----------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|---------|----------|------------|----|----|----|----|-------------|-----------------|------------------------|
|                                  |          | Tiếng Việt                                        | Tiếng Anh                              |         |          | Tổng       | LT | TH | ĐA | TT |             |                 |                        |
| 2.5                              | TOU1135E | Tiếng Anh dịch vụ                                 | English for Service Industry           | BB      | E        | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |
| 2.6                              | HMM1103E | Quản trị nhân sự trong du lịch                    | Human Resource Management in Tourism   | BB      | E        | 3          | 3  |    |    |    | MGT1101     |                 | x                      |
| <b>3. Kiến thức chuyên ngành</b> |          |                                                   |                                        |         |          | <b>45</b>  |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 3.1                              | RCM1101E | Quản trị nhà hàng                                 | Restaurant Management                  | BB      | E        | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |
| 3.2                              | HMM1224  | Thực hành nghiệp vụ nhà hàng và bar               | Serving Practice in Restaurant and Bar | BB      |          | 3          | 1  | 2  |    |    |             |                 | x                      |
| 3.3                              | RCM1218  | Dinh dưỡng và chế biến thực phẩm                  | Nutrition and Food Processing          | BB      |          | 3          | 1  | 2  |    |    |             |                 | x                      |
| 3.4                              | RCM1115  | Văn hóa ẩm thực Việt Nam                          | Vietnamese Cuisine Culture             | BB      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |
| 3.5                              | RCM1107E | Dịch vụ chăm sóc khách hàng trong nhà hàng và bar | Customer Service in Restaurant and Bar | BB      | E        | 3          | 3  |    |    |    | RCM1101E    |                 | x                      |
| 3.6                              | RCM1225E | Thực hành pha chế cocktail                        | Bartender Practice                     | BB      | E        | 3          | 1  | 2  |    |    |             |                 | x                      |
| 3.7                              | RCM1210E | Thực hành bánh Âu và bánh Á                       | Western and Asian Pastries Practice    | BB      | E        | 3          | 1  | 2  |    |    |             |                 | x                      |
| 3.8                              | RCM1124E | Thiết kế thực đơn                                 | Menu Design                            | BB      | E        | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |

| TT                     | Mã HP    | Tên học phần                                     |                                                               | Loại HP | Ngôn ngữ | Số tín chỉ |    |    |    |    | Mã HP trước | Mã HP song hành | Học phần điều kiện (*) |
|------------------------|----------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------|----------|------------|----|----|----|----|-------------|-----------------|------------------------|
|                        |          | Tiếng Việt                                       | Tiếng Anh                                                     |         |          | Tổng       | LT | TH | ĐA | TT |             |                 |                        |
| 3.9                    | TOU1125E | Quản trị hội nghị và sự kiện                     | Conference and Event Management                               | BB      | E        | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |
| 3.10                   | RCM2303  | Chuyên đề ẩm thực 1                              | Food and Beverage Seminar 1                                   | BB      |          | 1          |    |    |    | 1  |             |                 | x                      |
| 3.11                   | RCM2304  | Chuyên đề ẩm thực 2                              | Food and Beverage Seminar 2                                   | BB      |          | 2          |    |    |    | 2  | RCM1101E    |                 | x                      |
|                        |          | <i>Sinh viên chọn 1 trong 2 chuyên ngành sau</i> |                                                               |         |          |            |    |    |    |    |             |                 |                        |
| <b>Chuyên ngành 1.</b> |          | <b><i>Quản trị nhà hàng quốc tế bền vững</i></b> | <b><i>Sustainable International Restaurant Management</i></b> |         |          |            |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 3.12.1                 | RCM1105E | Quản trị chi phí trong nhà hàng                  | Restaurant Cost Control                                       | TC      | E        | 3          | 3  |    |    |    | ECO1101     |                 |                        |
| 3.13.1                 | RCM1126  | Vệ sinh an toàn thực phẩm                        | Food Hygiene and Safety                                       | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |
| 3.14.1                 | RCM1114E | Quản trị bán hàng trong nhà hàng và bar          | Sales Management in Restaurant and Bar                        | TC      | E        | 3          | 3  |    |    |    | RCM1101E    |                 |                        |
| 3.15.1                 | RCM1127E | Quản lý và phát triển chuỗi nhà hàng             | Management and Development of Restaurant Chains               | TC      | E        | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 3.16.1                 | RCM1106  | Kiến thức rượu vang                              | Oenology                                                      | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |

| TT                  | Mã HP    | Tên học phần                            |                                                       | Loại HP | Ngôn ngữ | Số tín chỉ |    |    |    |    | Mã HP trước | Mã HP song hành | Học phần điều kiện (*) |
|---------------------|----------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------|----------|------------|----|----|----|----|-------------|-----------------|------------------------|
|                     |          | Tiếng Việt                              | Tiếng Anh                                             |         |          | Tổng       | LT | TH | ĐA | TT |             |                 |                        |
| Chuyên ngành 2.     |          | Khởi nghiệp ẩm thực                     | F&B Entrepreneurship                                  |         |          |            |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 3.12.2              | RCM1211E | Thực hành ẩm thực phân tử               | Molecular Gastronomy Practice                         | TC      | E        | 3          | 3  |    |    |    | HMM1136E    |                 |                        |
| 3.13.2              | RCM1123E | Quản trị bếp                            | Kitchen Management                                    | TC      | E        | 3          | 3  |    |    |    | RCM1101E    |                 | x                      |
| 3.14.2              | RCM1208  | Thực hành món Á                         | Asian Cuisine Practice                                | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 3.15.2              | RCM1209E | Thực hành món Âu                        | Western Cuisine Practice                              | TC      | E        | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 3.16.2              | RCM1128  | Khởi nghiệp kinh doanh nhà hàng         | Restaurant Business Startup                           | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    | ECO1101     |                 |                        |
| 4. Kiến thức bổ trợ |          |                                         |                                                       |         |          | 12         |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.1                 | SKI1107  | Project design 1                        | Project Design 1                                      | BB      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 | x                      |
| 4.2                 | SKI1108  | Project design 2                        | Project Design 2                                      | BB      |          | 3          | 3  |    |    |    | SKI1107     |                 | x                      |
|                     |          | Sinh viên chọn 2 trong các học phần sau |                                                       |         |          |            |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.3                 | DMK1101  | Công dân số                             | Digital Citizenship                                   | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.4                 | ECO1113  | Công dân toàn cầu                       | Global Citizenship                                    | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.5                 | JPN1163  | Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản        | Japanese Concepts to Win Friends and Influence People | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |

| TT   | Mã HP   | Tên học phần                                       |                                | Loại HP | Ngôn ngữ | Số tín chỉ |    |    |    |    | Mã HP trước | Mã HP song hành | Học phần điều kiện (*) |
|------|---------|----------------------------------------------------|--------------------------------|---------|----------|------------|----|----|----|----|-------------|-----------------|------------------------|
|      |         | Tiếng Việt                                         | Tiếng Anh                      |         |          | Tổng       | LT | TH | ĐA | TT |             |                 |                        |
| 4.6  | JPN1108 | Đất nước học Nhật Bản                              | Country Studies of Japan       | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.7  | CHI1122 | Đất nước học Trung Quốc                            | Country Studies of China       | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.8  | ECO1108 | Địa lý kinh tế thế giới                            | World Economics Geography      | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.9  | PSY1137 | Giáo dục sức khỏe tinh thần                        | Mental Health Education        | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.10 | ENC1121 | Giao tiếp liên văn hóa                             | Cross-cultural Communication   | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.11 | LAW1195 | Luật công bằng và tín thác                         | Equity and Trust Law           | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.12 | LAW1111 | Luật thương mại                                    | Commercial Law                 | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.13 | LAW1116 | Luật quốc tế                                       | International Law              | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.14 | GPD1135 | Nghệ thuật học cơ bản                              | The Basic of Arts              | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.15 | HRM1111 | Nghệ thuật lãnh đạo                                | Arts of Leadership             | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.16 | HMM1137 | Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp | Professional Personal Branding | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.17 | IRE1130 | Nghịệp vụ ngoại giao                               | Diplomatic Protocol            | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |

| TT   | Mã HP   | Tên học phần                          |                                        | Loại HP | Ngôn ngữ | Số tín chỉ |    |    |    |    | Mã HP trước | Mã HP song hành | Học phần điều kiện (*) |
|------|---------|---------------------------------------|----------------------------------------|---------|----------|------------|----|----|----|----|-------------|-----------------|------------------------|
|      |         | Tiếng Việt                            | Tiếng Anh                              |         |          | Tổng       | LT | TH | ĐA | TT |             |                 |                        |
| 4.18 | DAS1125 | Nhập môn chuyển đổi số                | Introduction to Digital Transformation | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.19 | IRE1108 | Những vấn đề toàn cầu                 | Global Issues                          | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.20 | DAS1124 | Phân tích dữ liệu ứng dụng            | Applied Data Analytics                 | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.21 | LAW1107 | Pháp luật về doanh nghiệp             | Enterprises Law                        | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.22 | IRE1151 | Phát triển bền vững                   | Sustainable Development                | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.23 | FIN1152 | Quản lý tài chính cá nhân             | Personal Financial Management          | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.24 | IBU1115 | Quản trị chiến lược toàn cầu          | Global Strategic Management            | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.25 | PSY1103 | Tâm lý giao tiếp                      | Communication Psychology               | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.26 | ADS1101 | Thuyết trình sáng tạo                 | Creative Presentation                  | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.27 | DMK1114 | Tư duy thẩm mỹ                        | Aesthetic Thinking                     | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.28 | TOU1145 | Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách tiết | Diplomatic Reception and Table Art     | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.29 | SOS1108 | Văn hóa các nước Đông Nam Á           | Cultures of Southeast Asia Countries   | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |

| TT                                                                         | Mã HP   | Tên học phần                               |                                | Loại HP | Ngôn ngữ | Số tín chỉ |    |    |    |    | Mã HP trước | Mã HP song hành | Học phần điều kiện (*) |
|----------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------|--------------------------------|---------|----------|------------|----|----|----|----|-------------|-----------------|------------------------|
|                                                                            |         | Tiếng Việt                                 | Tiếng Anh                      |         |          | Tổng       | LT | TH | ĐA | TT |             |                 |                        |
| 4.30                                                                       | KOR1147 | Văn hóa truyền thống Hàn Quốc              | Korean Traditional Culture     | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| 4.31                                                                       | IRE1138 | Văn minh nhân loại                         | Human Civilization             | TC      |          | 3          | 3  |    |    |    |             |                 |                        |
| <b>5. Thực tập thực tế</b>                                                 |         |                                            |                                |         |          | <b>9</b>   |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 5.1                                                                        | RCM1312 | Thực tập tốt nghiệp                        | Graduation Internship          | BB      |          | 3          |    |    |    | 3  |             |                 |                        |
|                                                                            |         | <i>Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức:</i> |                                |         |          |            |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 5.2                                                                        | RCM1421 | Chuyên đề tốt nghiệp                       | Graduation Project             | TC      |          | 6          |    |    | 6  |    |             |                 |                        |
| 5.3                                                                        | RCM1422 | Khóa luận tốt nghiệp                       | Thesis                         | TC      |          | 6          |    |    | 6  |    |             |                 |                        |
| <b>6. Kiến thức không tích lũy</b>                                         |         |                                            |                                |         |          | <b>3</b>   |    |    |    |    |             |                 |                        |
| <b>6.1. Giáo dục thể chất</b> ( <i>sinh viên chọn 1 trong 5 nhóm sau</i> ) |         |                                            |                                |         |          | <b>3</b>   |    |    |    |    |             |                 |                        |
|                                                                            |         | <i>Nhóm 1</i>                              |                                |         |          |            |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 6.1.1.1                                                                    | GYM1311 | Giáo dục thể chất - Aerobic 1              | Physical Education 1 - Aerobic | TC      |          | 1          |    | 1  |    |    |             |                 |                        |
| 6.1.2.1                                                                    | GYM1312 | Giáo dục thể chất - Aerobic 2              | Physical Education 2 – Aerobic | TC      |          | 1          |    | 1  |    |    |             |                 |                        |
| 6.1.3.1                                                                    | GYM1313 | Giáo dục thể chất - Aerobic 3              | Physical Education 3 - Aerobic | TC      |          | 1          |    | 1  |    |    |             |                 |                        |
|                                                                            |         | <i>Nhóm 2</i>                              |                                |         |          |            |    |    |    |    |             |                 |                        |

| TT      | Mã HP   | Tên học phần                           |                                      | Loại HP | Ngôn ngữ | Số tín chỉ |    |    |    |    | Mã HP trước | Mã HP song hành | Học phần điều kiện (*) |
|---------|---------|----------------------------------------|--------------------------------------|---------|----------|------------|----|----|----|----|-------------|-----------------|------------------------|
|         |         | Tiếng Việt                             | Tiếng Anh                            |         |          | Tổng       | LT | TH | ĐA | TT |             |                 |                        |
| 6.1.1.2 | GYM1321 | Giáo dục thể chất - Vovinam 1          | Physical Education 1 - Vovinam       | TC      |          | 1          |    | 1  |    |    |             |                 |                        |
| 6.1.2.2 | GYM1322 | Giáo dục thể chất - Vovinam 2          | Physical Education 2 - Vovinam       | TC      |          | 1          |    | 1  |    |    |             |                 |                        |
| 6.1.3.2 | GYM1323 | Giáo dục thể chất - Vovinam 3          | Physical Education 3 - Vovinam       | TC      |          | 1          |    | 1  |    |    |             |                 |                        |
|         |         | <i>Nhóm 3</i>                          |                                      |         |          |            |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 6.1.1.3 | GYM1331 | Giáo dục thể chất - Boxing 1           | Physical Education 1 - Boxing        | TC      |          | 1          |    | 1  |    |    |             |                 |                        |
| 6.1.2.3 | GYM1332 | Giáo dục thể chất - Boxing 2           | Physical Education 2 – Boxing        | TC      |          | 1          |    | 1  |    |    |             |                 |                        |
| 6.1.3.3 | GYM1333 | Giáo dục thể chất - Boxing 3           | Physical Education 3 - Boxing        | TC      |          | 1          |    | 1  |    |    |             |                 |                        |
|         |         | <i>Nhóm 4</i>                          |                                      |         |          |            |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 6.1.1.4 | GYM1341 | Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1 | Physical Education 1 - Body-building | TC      |          | 1          |    | 1  |    |    |             |                 |                        |
| 6.1.2.4 | GYM1342 | Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 2 | Physical Education 2 - Body-building | TC      |          | 1          |    | 1  |    |    |             |                 |                        |
| 6.1.3.4 | GYM1343 | Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3 | Physical Education 3 - Body-building | TC      |          | 1          |    | 1  |    |    |             |                 |                        |
|         |         | <i>Nhóm 5</i>                          |                                      |         |          |            |    |    |    |    |             |                 |                        |

| TT                                                 | Mã HP   | Tên học phần                     |                                   | Loại HP | Ngôn ngữ | Số tín chỉ |    |    |    |    | Mã HP trước | Mã HP song hành | Học phần điều kiện (*) |
|----------------------------------------------------|---------|----------------------------------|-----------------------------------|---------|----------|------------|----|----|----|----|-------------|-----------------|------------------------|
|                                                    |         | Tiếng Việt                       | Tiếng Anh                         |         |          | Tổng       | LT | TH | ĐA | TT |             |                 |                        |
| 6.1.1.5                                            | GYM1351 | Giáo dục thể chất - Dancesport 1 | Physical Education 1 - Dancesport | TC      |          | 1          |    | 1  |    |    |             |                 |                        |
| 6.1.2.5                                            | GYM1352 | Giáo dục thể chất - Dancesport 2 | Physical Education 2 – Dancesport | TC      |          | 1          |    | 1  |    |    |             |                 |                        |
| 6.1.3.5                                            | GYM1353 | Giáo dục thể chất - Dancesport 3 | Physical Education 2 - Dancesport | TC      |          | 1          |    | 1  |    |    |             |                 |                        |
| <b>6.2. Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)</b> |         |                                  |                                   |         |          |            |    |    |    |    |             |                 |                        |
| 6.2.1                                              | MIL1203 | Giáo dục quốc phòng và an ninh   | Military Education                | BB      |          |            |    |    |    |    |             |                 |                        |

**Ghi chú:** BB: Bắt buộc; TC: Tự chọn; E: Học phần giảng dạy bằng Tiếng Anh; LT: Lý thuyết; TH: Thực hành; ĐA: Đồ án/ Khóa luận; TT: Thực tập, thực tế.

**Học phần điều kiện (\*):** đánh dấu X - các học phần cốt lõi sinh viên phải học trước khi đăng ký Thực tập tốt nghiệp; Học phần Chuyên đề tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp đăng ký thực hiện song hành hoặc sau khi hoàn thành Thực tập tốt nghiệp.

### 2.3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

| TT           | HK | Mã MH   | Tên học phần                         |                                        | Loại HP | Mã HP học trước | Ngôn ngữ | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Phân bổ số tiết |    |    |    | Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ) | Đơn vị quản lý học phần |
|--------------|----|---------|--------------------------------------|----------------------------------------|---------|-----------------|----------|------------|--------------|-----------------|----|----|----|---------------------------------------------|-------------------------|
|              |    |         | Tiếng Việt                           | Tiếng Anh                              |         |                 |          |            |              | LT              | TH | ĐA | TT |                                             |                         |
| <b>Năm 1</b> |    |         |                                      |                                        |         |                 |          |            |              |                 |    |    |    |                                             |                         |
| 01           | 1A | ENG3201 | Tiếng Anh 1                          | English 1                              | BB      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | TA                      |
| 02           | 1A | TOU1134 | Văn hóa du lịch                      | Tourism Culture                        | BB      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTDL KS                 |
| 03           | 1B | ENG3202 | Tiếng Anh 2                          | English 2                              | BB      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | TA                      |
| 04           | 1B | TOU1101 | Tổng quan du lịch                    | Introduction to Tourism                | BB      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTDL KS                 |
| 05           | 1B | SKI1107 | Project design 1                     | Project Design 1                       | BB      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | PD                      |
|              |    |         | <b>Cộng (HK 1A+1B)</b>               |                                        |         |                 |          | <b>15</b>  |              |                 |    |    |    |                                             |                         |
| 06           | 2A | ENG3203 | Tiếng Anh 3                          | English 3                              | BB      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | TA                      |
| 07           | 2A | RCM1115 | Văn hóa ẩm thực Việt Nam             | Vietnamese Cuisine Culture             | BB      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTDL KS                 |
| 08           | 2A | HMM1224 | Thực hành nghiệp vụ nhà hàng và bar  | Serving Practice in Restaurant and Bar | BB      |                 |          | 3          | 75           | 15              | 60 |    |    | 225                                         | QTDL KS                 |
| 09           | 2B | ENG3204 | Tiếng Anh 4                          | English 4                              | BB      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | TA                      |
| 10           | 2B | ITE1292 | Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng | Informatics and Applied                | BB      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | CNTT                    |

| TT           | HK | Mã MH    | Tên học phần               |                              | Loại HP | Mã HP học trước | Ngôn ngữ | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Phân bổ số tiết |    |    |    | Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ) | Đơn vị quản lý học phần |
|--------------|----|----------|----------------------------|------------------------------|---------|-----------------|----------|------------|--------------|-----------------|----|----|----|---------------------------------------------|-------------------------|
|              |    |          | Tiếng Việt                 | Tiếng Anh                    |         |                 |          |            |              | LT              | TH | ĐA | TT |                                             |                         |
|              |    |          |                            | Artificial Intelligence      |         |                 |          |            |              |                 |    |    |    |                                             |                         |
| 11           | 2B | ECO1101  | Kinh tế vi mô              | Microeconomics               | BB      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | KT                      |
|              |    |          | <b>Cộng (HK 2A+2B)</b>     |                              |         |                 |          | <b>18</b>  |              |                 |    |    |    |                                             |                         |
| <b>Năm 2</b> |    |          |                            |                              |         |                 |          |            |              |                 |    |    |    |                                             |                         |
| 01           | 1A | ENG3205  | Tiếng Anh 5                | English 5                    | BB      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | TA                      |
| 02           | 1A | MGT1101  | Quản trị học               | Principles of Management     | BB      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTKD                    |
| 03           | 1A | LAW1101  | Pháp luật đại cương        | Introduction to Law          | BB      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | LUAT                    |
| 04           | 1B | ENG3206  | Tiếng Anh 6                | English 6                    | BB      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | TA                      |
| 05           | 1B | RCM1101E | Quản trị nhà hàng          | Restaurant Management        | BB      |                 | E        | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTDL KS                 |
| 06           | 1B | RCM2303  | Chuyên đề ẩm thực 1        | Food and Beverage Seminar 1  | BB      |                 |          | 1          |              |                 |    |    | X  | 0                                           | QTDL KS                 |
|              |    |          | <b>Cộng (HK 1A+1B)</b>     |                              |         |                 |          | <b>16</b>  |              |                 |    |    |    |                                             |                         |
| 07           | 2A | TOU1135E | Tiếng Anh dịch vụ          | English for Service Industry | BB      |                 | E        | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTDL KS                 |
| 08           | 2A | RCM1225E | Thực hành pha chế cocktail | Bartender Practice           | BB      |                 | E        | 3          | 75           | 15              | 60 |    |    | 225                                         | QTDL KS                 |

| TT | HK | Mã MH                                                   | Tên học phần                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                | Loại HP | Mã HP học trước | Ngôn ngữ | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Phân bổ số tiết |    |    |    | Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ) | Đơn vị quản lý học phần |
|----|----|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------|----------|------------|--------------|-----------------|----|----|----|---------------------------------------------|-------------------------|
|    |    |                                                         | Tiếng Việt                                                                                                                                                                       | Tiếng Anh                                                                                                                                                                      |         |                 |          |            |              | LT              | TH | ĐA | TT |                                             |                         |
| 09 | 2A | GYM1311/<br>GYM1321/<br>GYM1331/<br>GYM1341/<br>GYM1351 | Giáo dục thể chất - Aerobic 1/<br>Giáo dục thể chất - Vovinam 1/<br>Giáo dục thể chất - Boxing 1/<br>Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1/<br>Giáo dục thể chất - DanceSport 1 | Physical Education 1 - Aerobic<br>Physical Education 1 - Vovinam<br>Physical Education 1 - Boxing<br>Physical Education 1 - Body-building<br>Physical Education 1 - DanceSport | TC      |                 |          | 1          | 30           |                 | 30 |    |    | 90                                          | LL-TC                   |
| 10 | 2B | MKT1101E                                                | Marketing căn bản                                                                                                                                                                | Principles of Marketing                                                                                                                                                        | BB      |                 | E        | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | MAR                     |
| 11 | 2B | SKI1108                                                 | Project design 2                                                                                                                                                                 | Project Design 2                                                                                                                                                               | BB      | SKI1107         |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | PD                      |
| 12 | 2B | RCM1218                                                 | Dinh dưỡng và chế biến thực phẩm                                                                                                                                                 | Nutrition and Food Processing                                                                                                                                                  | BB      |                 |          | 3          | 75           | 15              | 60 |    |    | 225                                         | QTDL KS                 |
| 13 | 2B | GYM1312/<br>GYM1322/<br>GYM1332/<br>GYM1342/<br>GYM1352 | Giáo dục thể chất - Aerobic 2/<br>Giáo dục thể chất - Vovinam 2/<br>Giáo dục thể chất - Boxing 2/                                                                                | Physical Education 2 - Aerobic<br>Physical Education 2 - Vovinam                                                                                                               | TC      |                 |          | 1          | 30           |                 | 30 |    |    | 90                                          | LL-TC                   |

| TT           | HK | Mã MH    | Tên học phần                                                                |                                                                                                            | Loại HP | Mã HP học trước | Ngôn ngữ | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Phân bổ số tiết |    |    |    | Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ) | Đơn vị quản lý học phần |
|--------------|----|----------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------|----------|------------|--------------|-----------------|----|----|----|---------------------------------------------|-------------------------|
|              |    |          | Tiếng Việt                                                                  | Tiếng Anh                                                                                                  |         |                 |          |            |              | LT              | TH | ĐA | TT |                                             |                         |
|              |    |          | Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 2/<br>Giáo dục thể chất - DanceSport 2 | Physical Education 2 - Boxing<br>Physical Education 2 - Body-building<br>Physical Education 2 - DanceSport |         |                 |          |            |              |                 |    |    |    |                                             |                         |
|              |    |          | <b>Cộng (HK 2A+2B)</b>                                                      |                                                                                                            |         |                 |          | <b>17</b>  |              |                 |    |    |    |                                             |                         |
|              |    | MIL1203  | Giáo dục quốc phòng - an ninh                                               | Military Education                                                                                         |         |                 |          |            | 165          |                 |    |    |    |                                             | PĐT                     |
| <b>Năm 3</b> |    |          |                                                                             |                                                                                                            |         |                 |          |            |              |                 |    |    |    |                                             |                         |
| 01           | 1A | POL1111  | Triết học Mác-Lênin                                                         | Marxist-Leninist Philosophy                                                                                | BB      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | LL-TC                   |
| 02           | 1A | TOU1125E | Quản trị hội nghị và sự kiện                                                | Conference and Event Management                                                                            | BB      |                 | E        | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTDL KS                 |
| 03           | 1A | RCM1107E | Dịch vụ chăm sóc khách hàng trong nhà hàng và bar                           | Customer Service in Restaurant and Bar                                                                     | BB      | RCM1101E        | E        | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTDL KS                 |

| TT | HK | Mã MH                                                   | Tên học phần                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                | Loại HP | Mã HP học trước | Ngôn ngữ | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Phân bổ số tiết |    |    |    | Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ) | Đơn vị quản lý học phần |
|----|----|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------|----------|------------|--------------|-----------------|----|----|----|---------------------------------------------|-------------------------|
|    |    |                                                         | Tiếng Việt                                                                                                                                                                      | Tiếng Anh                                                                                                                                                                      |         |                 |          |            |              | LT              | TH | ĐA | TT |                                             |                         |
| 04 | 1A | GYM1313/<br>GYM1323/<br>GYM1333/<br>GYM1343/<br>GYM1353 | Giáo dục thể chất - Aerobic 3/<br>Giáo dục thể chất - Vovinam 3/<br>Giáo dục thể chất - Boxing 3/<br>Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3<br>Giáo dục thể chất - DanceSport 3 | Physical Education 3 - Aerobic<br>Physical Education 3 - Vovinam<br>Physical Education 3 - Boxing<br>Physical Education 3 - Body-building<br>Physical Education 3 - DanceSport | TC      |                 |          | 1          | 30           |                 | 30 |    |    | 90                                          | LL-TC                   |
| 05 | 1B | POL1114                                                 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                                                                                                                                                            | Ho Chi Minh Ideology                                                                                                                                                           | BB      |                 |          | 2          | 30           | 30              |    |    |    | 90                                          | LL-TC                   |
| 06 | 1B | HMM1103E                                                | Quản trị nhân sự trong du lịch                                                                                                                                                  | Human Resource Management in Tourism                                                                                                                                           | BB      |                 | E        | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTDL KS                 |
| 07 | 1B |                                                         | Học phần tự chọn 1                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                | TC      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         |                         |
|    |    |                                                         | <b>Cộng (HK 1A+1B)</b>                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                |         |                 |          | <b>18</b>  |              |                 |    |    |    |                                             |                         |
| 08 | 2A | POL1113                                                 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                                                                                                                                                       | Scientific Socialism                                                                                                                                                           | BB      |                 |          | 2          | 30           | 30              |    |    |    | 90                                          | LL-TC                   |

| TT           | HK | Mã MH    | Tên học phần                                      |                                                | Loại HP | Mã HP học trước | Ngôn ngữ | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Phân bổ số tiết |    |    |    | Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ) | Đơn vị quản lý học phần |
|--------------|----|----------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------|-----------------|----------|------------|--------------|-----------------|----|----|----|---------------------------------------------|-------------------------|
|              |    |          | Tiếng Việt                                        | Tiếng Anh                                      |         |                 |          |            |              | LT              | TH | ĐA | TT |                                             |                         |
| 09           | 2A | POL1112  | Kinh tế chính trị Mác-Lênin                       | Marxist-Leninist Political Economics           | BB      |                 |          | 2          | 30           | 30              |    |    |    | 90                                          | LL-TC                   |
| 10           | 2A | RCM1124E | Thiết kế thực đơn                                 | Menu Design                                    | BB      |                 | E        | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTDL KS                 |
| 11           | 2A | RCM1210E | Thực hành bánh Âu và bánh Á                       | Western and Asian Pastries Practice            | BB      |                 |          | 3          | 75           | 15              | 60 |    |    | 225                                         | QTDL KS                 |
| 12           | 2B | POL1115  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                    | History of the Communist Party of Vietnam      | BB      |                 |          | 2          | 30           | 30              |    |    |    | 90                                          | LL-TC                   |
| 13           | 2B | TOU1146  | Phương pháp nghiên cứu trong du lịch và khách sạn | Researching Methods in Tourism and Hospitality | BB      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTDL KS                 |
| 14           | 2B | RCM2304  | Chuyên đề ẩm thực 2                               | Food and Beverage Seminar 2                    | BB      |                 |          | 2          |              |                 |    |    | X  | 0                                           | QTDL KS                 |
|              |    |          | <b>Cộng (HK 2A+2B)</b>                            |                                                |         |                 |          | <b>17</b>  |              |                 |    |    |    |                                             |                         |
| <b>Năm 4</b> |    |          |                                                   |                                                |         |                 |          |            |              |                 |    |    |    |                                             |                         |
| 01           | 1A |          | Học phần tự chọn 2                                |                                                | TC      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         |                         |

| TT | HK | Mã MH        | Tên học phần                              |                                                        | Loại HP | Mã HP học trước | Ngôn ngữ | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Phân bổ số tiết |    |    |    | Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ) | Đơn vị quản lý học phần |
|----|----|--------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------|-----------------|----------|------------|--------------|-----------------|----|----|----|---------------------------------------------|-------------------------|
|    |    |              | Tiếng Việt                                | Tiếng Anh                                              |         |                 |          |            |              | LT              | TH | ĐA | TT |                                             |                         |
|    |    | Chuyên ngành | <i>Quản trị nhà hàng quốc tế bền vững</i> | <i>Sustainable International Restaurant Management</i> |         |                 |          |            |              |                 |    |    |    |                                             |                         |
| 02 | 1A | RCM1126      | Vệ sinh an toàn thực phẩm                 | Food Hygiene and Safety                                | TC      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTDL KS                 |
| 03 | 1A | RCM1105E     | Quản trị chi phí trong nhà hàng           | Restaurant Cost Control                                | TC      |                 | E        | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTDL KS                 |
|    |    | Chuyên ngành | <i>Khởi nghiệp ẩm thực</i>                | <i>Food and Beverage Entrepreneurship</i>              |         |                 |          |            |              |                 |    |    |    |                                             |                         |
| 02 | 1A | RCM1211E     | Thực hành ẩm thực phân tử                 | Molecular Gastronomy Practice                          | TC      |                 | E        | 3          | 75           | 15              | 60 |    |    | 225                                         | QTDL KS                 |
| 03 | 1A | RCM1123E     | Quản trị bếp                              | Kitchen Management                                     | TC      |                 | E        | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTDL KS                 |
|    |    | Chuyên ngành | <i>Quản trị nhà hàng quốc tế bền vững</i> | <i>Sustainable International Restaurant Management</i> |         |                 |          |            |              |                 |    |    |    |                                             |                         |

| TT | HK | Mã MH        | Tên học phần                            |                                                 | Loại HP | Mã HP học trước | Ngôn ngữ | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Phân bổ số tiết |    |    |    | Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ) | Đơn vị quản lý học phần |
|----|----|--------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------|---------|-----------------|----------|------------|--------------|-----------------|----|----|----|---------------------------------------------|-------------------------|
|    |    |              | Tiếng Việt                              | Tiếng Anh                                       |         |                 |          |            |              | LT              | TH | ĐA | TT |                                             |                         |
| 04 | 1B | RCM1114E     | Quản trị bán hàng trong nhà hàng và bar | Sales Management in Restaurant and Bar          | TC      |                 | E        | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTDL KS                 |
| 05 | 1B | RCM1127E     | Quản lý và phát triển chuỗi nhà hàng    | Management and Development of Restaurant Chains | TC      |                 | E        | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTDL KS                 |
| 06 | 1B | RCM1106      | Kiến thức rượu vang                     | Oenology                                        | TC      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTDL KS                 |
|    |    | Chuyên ngành | <i>Khởi nghiệp ẩm thực</i>              | <i>Food and Beverage Entrepreneurship</i>       |         |                 |          |            |              |                 |    |    |    |                                             |                         |
| 04 | 1B | RCM1208      | Thực hành món Á                         | Asian Cuisine Practice                          | TC      |                 |          | 3          | 75           | 15              | 60 |    |    | 225                                         | QTDL KS                 |
| 05 | 1B | RCM1209E     | Thực hành món Âu                        | Western Cuisine Practice                        | TC      |                 | E        | 3          | 75           | 15              | 60 |    |    | 225                                         | QTDL KS                 |
| 06 | 1B | RCM1128      | Khởi nghiệp kinh doanh nhà hàng         | Restaurant Business Startup                     | TC      |                 |          | 3          | 45           | 45              |    |    |    | 135                                         | QTDL KS                 |
|    |    |              | <b>Cộng (HK 1A+1B)</b>                  |                                                 |         |                 |          | <b>18</b>  |              |                 |    |    |    |                                             |                         |

| TT | HK | Mã MH   | Tên học phần                        |                       | Loại HP | Mã HP học trước | Ngôn ngữ | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Phân bổ số tiết |    |    |    | Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ) | Đơn vị quản lý học phần |
|----|----|---------|-------------------------------------|-----------------------|---------|-----------------|----------|------------|--------------|-----------------|----|----|----|---------------------------------------------|-------------------------|
|    |    |         | Tiếng Việt                          | Tiếng Anh             |         |                 |          |            |              | LT              | TH | ĐA | TT |                                             |                         |
| 07 | 2A | RCM1312 | Thực tập tốt nghiệp                 | Graduation Internship | BB      |                 |          | 3          |              |                 |    |    | X  |                                             | QTDL KS                 |
|    |    |         | Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức: |                       |         |                 |          |            |              |                 |    |    |    |                                             |                         |
| 08 | 2A | RCM1421 | Chuyên đề tốt nghiệp                | Graduation Project    | TC      |                 |          | 6          |              |                 |    | X  |    |                                             | QTDL KS                 |
| 08 | 2A | RCM1422 | Khóa luận tốt nghiệp                | Thesis                | TC      |                 |          | 6          |              |                 |    | X  |    |                                             | QTDL KS                 |
|    |    |         | <b>Cộng (HK 2A)</b>                 |                       |         |                 |          | <b>9</b>   |              |                 |    |    |    |                                             |                         |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - KHÓA 2025**

|                    |                       |                        |                  |                  |                          |
|--------------------|-----------------------|------------------------|------------------|------------------|--------------------------|
| Giáo dục đại cương | Kiến thức cơ sở ngành | Kiến thức chuyên ngành | Kiến thức bổ trợ | Thực tập thực tế | Kiến thức không tích lũy |
|--------------------|-----------------------|------------------------|------------------|------------------|--------------------------|

| Năm 1                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Năm 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                | Năm 3                                                                |                                                                 | Năm 4                                                      |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| HK 1A                                                                                                                                                                                                                                                                   | HK 2A                                                                                                                                                                                                                                                                                              | HK 1A                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | HK 2A                                          | HK 1A                                                                | HK 2A                                                           | HK 1A                                                      | HK 2A                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                         | Văn hóa ẩm thực Việt Nam RCM1115 (3tc)                                                                                                                                                                                                                                                             | Pháp luật đại cương LAW1101 (3tc)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Giáo dục thể chất 1 (1tc)                      | Giáo dục thể chất 3 (1tc)                                            | (E) Thực hành món bánh Âu và bánh Á RCM1210E (3tc)              | Môn tự chọn 2 (3tc)                                        |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
| Văn hóa du lịch TOU1134 (3tc)                                                                                                                                                                                                                                           | Thực hành nghiệp vụ nhà hàng và bar HMM1224 (3tc)                                                                                                                                                                                                                                                  | Quản trị học MGT1101 (3tc)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | (E) Tiếng Anh dịch vụ TOU1135E (3tc)           | (E) Dịch vụ chăm sóc khách hàng trong nhà hàng và bar RCM1107E (3tc) | (E) Thiết kế thực đơn RCM1124E (3tc)                            | Vệ sinh an toàn thực phẩm RCM1126 (3tc)                    | (E) Quản trị chi phí trong nhà hàng RCM1105E (3tc) |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
| Tiếng Anh 1 ENG3201 (3tc)                                                                                                                                                                                                                                               | Tiếng Anh 3 ENG3203 (3tc)                                                                                                                                                                                                                                                                          | Tiếng Anh 5 ENG3205 (3tc)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | (E) Thực hành pha chế cocktail RCM1225E (3tc)  | (E) Quản trị hội nghị và sự kiện TOU1125E (3tc)                      | Kinh tế chính trị Mác-Lênin POL1112 (2tc)                       | Quản trị nhà hàng quốc tế bền vững                         |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                | Triết học Mác - Lênin POL1111 (3tc)                                  | Chủ nghĩa xã hội khoa học POL1113 (2tc)                         | (E) Quản trị bếp RCM1123E (3tc)                            | Chuyên đề/Khóa luận tốt nghiệp RCM1421/2 (6tc)     |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                |                                                                      |                                                                 | (E) Thực hành ẩm thực phân tử RCM1211E (1tc)               | Thực tập tốt nghiệp RCM1312 (3tc)                  |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                |                                                                      |                                                                 | Khởi nghiệp ẩm thực                                        |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
| HK 1B                                                                                                                                                                                                                                                                   | HK 2B                                                                                                                                                                                                                                                                                              | HK 1B                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | HK 2B                                          | HK 1B                                                                | HK 2B                                                           | HK 1B                                                      | HK 2B                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
| Tiếng Anh 2 ENG3202 (3tc)                                                                                                                                                                                                                                               | Tiếng Anh 4 ENG3204 (3tc)                                                                                                                                                                                                                                                                          | Tiếng Anh 6 ENG3206 (3tc)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | (E) Marketing căn bản MKT1101E (3tc)           | Tư tưởng Hồ Chí Minh POL1114 (2tc)                                   | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam POL1115 (2tc)                    | Kiến thức rượu vang RCM1106 (3tc)                          |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
| Tổng quan du lịch TOU1101 (3tc)                                                                                                                                                                                                                                         | Kinh tế vi mô ECO1101 (3tc)                                                                                                                                                                                                                                                                        | (E) Quản trị nhà hàng RCM1101E (3tc)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Project design 2 SKI1108 (3tc)                 | (E) Quản trị nhân sự trong du lịch HMM1103E (3tc)                    | Phương pháp nghiên cứu trong du lịch và khách sạn TOU1146 (3tc) | (E) Quản trị bán hàng trong nhà hàng và bar RCM1114E (3tc) | (E) Quản lý và phát triển chuỗi nhà hàng RCM1127E  |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
| Project design 1 SKI1107 (3tc)                                                                                                                                                                                                                                          | Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng ITE1292 (3tc)                                                                                                                                                                                                                                                 | Chuyên đề ẩm thực 1 RCM2303 (1tc)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Dinh dưỡng và chế biến thực phẩm RCM1218 (3tc) | Môn tự chọn 1 (3tc)                                                  | Chuyên đề ẩm thực 2 RCM2304 (2tc)                               | Quản trị nhà hàng quốc tế bền vững                         |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Giáo dục thể chất 2 (1tc)                      |                                                                      |                                                                 | Khởi nghiệp kinh doanh nhà hàng RCM1128 (3tc)              |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Giáo dục quốc phòng MIL1203                    |                                                                      |                                                                 | Thực hành món Á RCM1208 (3tc)                              |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                |                                                                      |                                                                 | (E) Thực hành món Âu RCM1209E (3tc)                        |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                |                                                                      |                                                                 | Khởi nghiệp ẩm thực                                        |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
| <div>Ký hiệu sử dụng</div> <table><tr><td>Tên môn học</td><td>Thông tin về môn học</td></tr><tr><td>Mã môn (số tín chỉ)</td><td></td></tr><tr><td>(E)</td><td>Môn học giảng bằng tiếng Anh</td></tr></table>                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Tên môn học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Thông tin về môn học                           | Mã môn (số tín chỉ)                                                  |                                                                 | (E)                                                        | Môn học giảng bằng tiếng Anh                       |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
| Tên môn học                                                                                                                                                                                                                                                             | Thông tin về môn học                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                |                                                                      |                                                                 |                                                            |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
| Mã môn (số tín chỉ)                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                |                                                                      |                                                                 |                                                            |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
| (E)                                                                                                                                                                                                                                                                     | Môn học giảng bằng tiếng Anh                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                |                                                                      |                                                                 |                                                            |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
| <div>Học phần giáo dục thể chất chọn 1 trong 5 môn: Aerobic, Boxing, Vovinam, Dancesport, Thể hình thẩm mỹ</div>                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <div>Danh sách môn tự chọn</div> <table><tr><td><ul style="list-style-type: none"><li>Giáo dục sức khỏe tinh thần</li><li>Khởi nghiệp</li><li>Luật công bằng và tín thác</li><li>Luật thương mại</li><li>Luật quốc tế</li><li>Nghệ thuật học cơ bản</li><li>Nghệ thuật lãnh đạo</li><li>Nghệ thuật ngoại giao</li></ul></td><td><ul style="list-style-type: none"><li>Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp</li><li>Nhập môn chuyển đổi số</li><li>Những vấn đề toàn cầu</li><li>Pháp luật về doanh nghiệp</li><li>Phân tích dữ liệu ứng dụng</li><li>Phát triển bền vững</li><li>Quản lý tài chính cá nhân</li></ul></td><td><ul style="list-style-type: none"><li>Quản trị chiến lược toàn cầu</li><li>Tâm lý giao tiếp</li><li>Thuyết trình sáng tạo</li><li>Tư duy thẩm mỹ</li><li>Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách tiết</li><li>Văn hóa truyền thống Hàn Quốc</li><li>Văn minh nhân loại</li><li>Văn hóa các nước Đông Nam Á</li></ul></td></tr></table> |                                                |                                                                      |                                                                 |                                                            |                                                    | <ul style="list-style-type: none"><li>Giáo dục sức khỏe tinh thần</li><li>Khởi nghiệp</li><li>Luật công bằng và tín thác</li><li>Luật thương mại</li><li>Luật quốc tế</li><li>Nghệ thuật học cơ bản</li><li>Nghệ thuật lãnh đạo</li><li>Nghệ thuật ngoại giao</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp</li><li>Nhập môn chuyển đổi số</li><li>Những vấn đề toàn cầu</li><li>Pháp luật về doanh nghiệp</li><li>Phân tích dữ liệu ứng dụng</li><li>Phát triển bền vững</li><li>Quản lý tài chính cá nhân</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>Quản trị chiến lược toàn cầu</li><li>Tâm lý giao tiếp</li><li>Thuyết trình sáng tạo</li><li>Tư duy thẩm mỹ</li><li>Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách tiết</li><li>Văn hóa truyền thống Hàn Quốc</li><li>Văn minh nhân loại</li><li>Văn hóa các nước Đông Nam Á</li></ul> |  |  |  |
| <ul style="list-style-type: none"><li>Giáo dục sức khỏe tinh thần</li><li>Khởi nghiệp</li><li>Luật công bằng và tín thác</li><li>Luật thương mại</li><li>Luật quốc tế</li><li>Nghệ thuật học cơ bản</li><li>Nghệ thuật lãnh đạo</li><li>Nghệ thuật ngoại giao</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp</li><li>Nhập môn chuyển đổi số</li><li>Những vấn đề toàn cầu</li><li>Pháp luật về doanh nghiệp</li><li>Phân tích dữ liệu ứng dụng</li><li>Phát triển bền vững</li><li>Quản lý tài chính cá nhân</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>Quản trị chiến lược toàn cầu</li><li>Tâm lý giao tiếp</li><li>Thuyết trình sáng tạo</li><li>Tư duy thẩm mỹ</li><li>Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách tiết</li><li>Văn hóa truyền thống Hàn Quốc</li><li>Văn minh nhân loại</li><li>Văn hóa các nước Đông Nam Á</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                |                                                                      |                                                                 |                                                            |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |

#### 2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

| STT                                    | Mã HP   | Tên học phần                                               | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b> |         |                                                            |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 1.1.1                                  | TOU1134 | Văn hóa du lịch                                            | 3          | Học phần cung cấp cho người học một cách hệ thống và sâu rộng về văn hóa du lịch ở Việt Nam, những kiến thức cơ bản về văn hóa, các loại hình văn hóa, các khía cạnh khác nhau của văn hóa du lịch, các lĩnh vực khác nhau của du lịch văn hóa, các loại tài nguyên văn hóa được con người khai thác, sử dụng để tạo ra sản phẩm du lịch phục vụ nhu cầu của du khách. Học phần còn trang bị cho người học những đặc điểm của văn hóa quản lý và văn hóa kinh doanh trong du lịch, cũng như những vấn đề liên quan đến bảo vệ sự đa dạng văn hóa trong phát triển du lịch bền vững, vấn đề phát triển du lịch trong bối cảnh hội nhập quốc tế...                                                                                  |
| 1.1.2                                  | TOU1146 | Phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch và khách sạn | 3          | Học phần cung cấp cho người học kiến thức nền tảng và kỹ năng cần thiết để thực hiện một nghiên cứu khoa học trong bối cảnh ngành công nghiệp du lịch và khách sạn đang phát triển mạnh mẽ và đổi mới không ngừng. Nội dung học phần tập trung vào việc trang bị cho sinh viên các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, kỹ thuật thu thập và phân tích dữ liệu, thiết kế bảng hỏi, phỏng vấn chuyên sâu, và cách xây dựng một đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh. Thông qua các bài tập thực hành và tiểu luận cuối kỳ, sinh viên có cơ hội vận dụng lý thuyết vào thực tiễn nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị khách sạn, quản lý điểm đến, hành vi du khách, tiếp thị du lịch, phát triển bền vững và công nghệ du lịch. |
| 1.2.1                                  | POL1111 | Triết học Mác-Lênin                                        | 3          | Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Triết học Mác –Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, bao gồm: Chương 1- trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vật đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ                                                                                                                                                                                                                                                                |

| STT   | Mã HP   | Tên học phần                | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-------|---------|-----------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|       |         |                             |            | nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 1.2.2 | POL1112 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | 2          | Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về Kinh tế chính trị Mác-Lênin, nhằm nâng cao năng lực tư duy và nhận thức khoa học về thế giới khách quan và các học thuyết kinh tế. Sinh viên sẽ hiểu và áp dụng kiến thức này trong việc phân tích, xử lý, và đánh giá vấn đề khoa học lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực đào tạo của họ. Chương trình bao gồm 6 chương, trong đó chương 1 tập trung vào đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin. Các chương tiếp theo đề cập đến các vấn đề cốt lõi như hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền, kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, và cách mạng công nghiệp cũng như hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam. |
| 1.2.3 | POL1113 | Chủ nghĩa xã hội khoa học   | 2          | Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1.2.4 | POL1114 | Tư tưởng Hồ Chí Minh        | 2          | Học phần cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức khoa học hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Hiểu được các quan điểm tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức cách mạng và con người mới. Người học biết vận dụng vào quá trình tự rèn luyện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời đại mới.                                                                                                                  |

| STT   | Mã HP   | Tên học phần                         | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-------|---------|--------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.2.5 | POL1115 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam       | 2          | Học phần cung cấp cho người học về kiến thức vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương nhập môn gồm 05 bài, cụ thể: Bài 1. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Bài 2. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Bài 3. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Bài 4. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); Bài 5. Kết luận.                                                                                 |
| 1.3.1 | LAW1101 | Pháp luật đại cương                  | 3          | Học phần nghiên cứu hiện tượng Nhà nước và Pháp luật theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lenin. Học phần giải quyết những vấn đề chung nhất về Nhà nước và Pháp luật: nguồn gốc, bản chất, các kiểu và chức năng của Nhà nước và Pháp luật. Ngoài ra học phần còn nghiên cứu các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 1.4.1 | ITE1292 | Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng | 3          | Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về tin học văn phòng: soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, thiết kế bài thuyết trình chuyên nghiệp và ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) phổ biến hỗ trợ học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức: Khái niệm cơ bản về Tin học và AI; Sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Word; Sử dụng phần mềm bảng tính Excel; Trình bày báo cáo bằng phần mềm trình chiếu Powerpoint; Ứng dụng AI trong xử lý văn bản và bảng tính; Ứng dụng AI trong thiết kế thuyết trình; Tìm kiếm thông tin học thuật với AI; Sử dụng AI hỗ trợ viết báo cáo, luận văn. |
| 1.5.1 | ENG3201 | Tiếng Anh 1                          | 3          | Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| STT   | Mã HP   | Tên học phần | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------|---------|--------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|       |         |              |            | phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 1.5.2 | ENG3202 | Tiếng Anh 2  | 3          | Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này. |
| 1.5.3 | ENG3203 | Tiếng Anh 3  | 3          | Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này. |

| STT   | Mã HP   | Tên học phần | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-------|---------|--------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.5.4 | ENG3204 | Tiếng Anh 4  | 3          | Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này. |
| 1.5.5 | ENG3205 | Tiếng Anh 5  | 3          | Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này. |
| 1.5.6 | ENG3206 | Tiếng Anh 6  | 3          | Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Phát triển các chiến lược làm bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (VSTEP). Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ                                                        |

| STT                             | Mã HP    | Tên học phần      | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---------------------------------|----------|-------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                 |          |                   |            | cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>2. Kiến thức cơ sở ngành</b> |          |                   |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 2.1                             | ECO1101  | Kinh tế vi mô     | 3          | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát và căn bản nhất về các khái niệm, nguyên lý trong kinh tế học; các hiện tượng kinh tế thực tế thông qua các lý thuyết kinh tế tác động đến các cá thể kinh tế đơn lẻ trong các loại thị trường chuyên biệt và cụ thể.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 2.2                             | MKT1101E | Marketing căn bản | 3          | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Hiểu được kiến thức môn học sinh viên có thể phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng. Học phần còn giúp cho người học nắm bắt được 4 phối thức trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chiến lược marketing hỗn hợp (Marketing Mix): chiến lược phát triển sản phẩm (Product), chiến lược định giá sản phẩm (Price), chiến lược phân phối (Place), chiến lược chiêu thị (Promotion). Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống. |
| 2.3                             | MGT1101  | Quản trị học      | 3          | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị bao gồm hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát – cung cấp một cái nhìn tổng quát về các hoạt động quản trị, giúp sinh viên có nền tảng cho việc ra quyết định. Đây là môn học cung cấp kiến thức ngành làm nền tảng để sinh viên có thể học các môn học chuyên ngành, đồng thời, rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn cần thiết để có thể tham gia thị trường lao động khối ngành kinh tế - quản trị nói chung và các ngành khác nói riêng.                                                                                                                                                                                                                          |

| STT                              | Mã HP    | Tên học phần                   | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----------------------------------|----------|--------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2.4                              | TOU1101  | Tổng quan du lịch              | 3          | Học phần trang bị cho sinh viên chuyên ngành Du lịch kiến thức nền tảng về ngành du lịch như khái niệm về du lịch, du khách, loại hình du lịch, sản phẩm du lịch, động cơ và nhu cầu du lịch, các điều kiện phát triển du lịch, mối quan hệ giữa du lịch và các lĩnh vực kinh tế, văn hóa – xã hội, môi trường và chính trị;; khái niệm về kinh doanh du lịch ( kinh doanh lữ hành, kinh doanh lưu trú, ăn uống, kinh doanh vận chuyển du lịch... ); đào tạo nhân lực du lịch; cách thức tổ chức và quản lý ngành du lịch; phát triển du lịch bền vững và vận dụng tốt những kiến thức đó vào hoạt động du lịch sau khi sinh viên tốt nghiệp. |
| 2.5                              | TOU1135E | Tiếng Anh dịch vụ              | 3          | Học phần cung cấp các kỹ năng giao tiếp cơ bản cần thiết để người học có thể sử dụng tiếng Anh một cách hiệu quả và tự tin trong nhiều tình huống công việc khác nhau trong ngành du lịch. Đặc biệt cung cấp cho sinh viên những từ vựng cơ bản về du lịch và những cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển những kỹ năng nghe nói đọc viết trong môi trường làm việc thực tế bao gồm trả lời điện thoại trong khách sạn, giải quyết các thắc mắc và khiếu nại của khách, sử dụng các hệ thống, biểu mẫu, viết email....                                                                                                             |
| 2.6                              | HMM1103E | Quản trị nhân sự trong du lịch | 3          | Học phần cung cấp một cái nhìn tổng quan về quản trị nhân sự trên một tổ chức. Học phần bao gồm: Giới thiệu về HRM, lập kế hoạch nguồn nhân lực, tuyển dụng, tuyển chọn và đào tạo và phát triển, Động lực, đánh giá hiệu suất, an toàn và lành mạnh của nhân viên trong ngành du lịch và khách sạn. Học phần giới thiệu sự tương quan giữa quản lý và lãnh đạo. Những yêu cầu và phẩm chất cần thiết để trở thành nhà lãnh đạo nhóm, lãnh đạo tổ chức.                                                                                                                                                                                       |
| <b>3. Kiến thức chuyên ngành</b> |          |                                |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 3.1                              | RCM1101E | Quản trị nhà hàng              | 3          | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và sâu rộng về cách quản lý và điều hành một nhà hàng. Nội dung bao gồm các khía cạnh như quản lý nhân sự, tài chính, marketing, và chất lượng dịch vụ. Môn học này cũng tập trung vào việc phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý cần thiết cho việc điều hành nhà hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| STT | Mã HP   | Tên học phần                        | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|---------|-------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |         |                                     |            | một cách hiệu quả. Sinh viên sẽ học được cách áp dụng các nguyên tắc quản trị vào thực tế thông qua các bài giảng, thảo luận, phân tích tình huống và dự án. Mục tiêu chính là trang bị cho sinh viên những kỹ năng và kiến thức cần thiết để thành công trong ngành quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 3.2 | HMM1224 | Thực hành nghiệp vụ nhà hàng và bar | 3          | Học phần trang bị cho sinh viên sự tự tin và có kiến thức - kỹ năng để trở thành nhân viên phục vụ tại các cơ sở kinh doanh ẩm thực (Nhà hàng, cafe bar hoặc một bar bất kỳ), kể cả các nhà hàng và bộ phận FB chuẩn quốc tế năm sao. Sinh viên sẽ biết cách ứng phó và xử lý những tình huống xảy ra trong thực tiễn, hiểu được tâm lý khách hàng. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về một bộ phận trong nhà hàng: Quầy Bar – cách bài trí, những loại hình Bar thông dụng, các vật dụng trong quầy bar... Bên cạnh đó sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về các loại thức uống có cồn và không có cồn được sử dụng trong quá trình pha chế (rượu mạnh): nguồn gốc, ý nghĩa, đặc điểm, thành phần... |
| 3.3 | RCM1218 | Dinh dưỡng và chế biến thực phẩm    | 3          | Học phần cung cấp kiến thức về các nguyên tắc tính toán cân bằng dinh dưỡng trong bữa ăn, phân biệt tính chất của các loại thực phẩm và kỹ thuật chế biến thực phẩm và thực hành chế biến một số món ăn Á-Âu căn bản. Vấn đề thực phẩm, nguyên vật liệu, cách xử lý chất thải và vi sinh vật gây hại, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, cũng như các vật dụng, thiết bị nhà bếp được giới thiệu trong giờ thực hành. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn thêm nhiều kiến thức hỗ trợ cho việc thiết lập và xây dựng thực đơn.                                                                                                                                                                                       |
| 3.4 | RCM1115 | Văn hóa ẩm thực Việt Nam            | 3          | Học phần cung cấp những kiến thức kiến thức về sự phát triển văn hóa ẩm thực Việt Nam, những nét đặc trưng, độc đáo của ẩm thực Việt Nam từ nguyên vật liệu, dụng cụ, cách chế biến, cách ăn uống của người Việt. Những kiến thức này là nền tảng để sinh viên có thể tìm hiểu chuyên sâu, truyền đạt và quảng bá những độc đáo của văn hóa ẩm thực Việt Nam. Đồng thời ứng dụng thực tế trong việc tìm kiếm các nguyên liệu và chế biến, lập thực đơn, tính chi phí, ... cho các món                                                                                                                                                                                                                                   |

| STT | Mã HP    | Tên học phần                                      | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|----------|---------------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                   |            | ăn Việt Nam. Học phần cũng Giáo dục tinh thần quý trọng, bảo tồn và phát huy những vốn quý của văn hóa ẩm thực Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 3.5 | RCM1107E | Dịch vụ chăm sóc khách hàng trong nhà hàng và bar | 3          | Học phần cung cấp cho sinh viên các lý thuyết cơ bản để hiểu được cách xây dựng và vận hành dịch vụ chăm sóc khách hàng được tốt nhất. Dịch vụ chăm sóc khách hàng là dịch vụ đặc biệt sẽ giúp khách hàng dễ dàng cảm thấy hài lòng khi sử dụng cùng với các sản phẩm và dịch vụ khác. Bởi vì giữ cho khách hàng hài lòng với dịch vụ của nhà hàng sẽ giúp doanh nghiệp xây dựng danh tiếng và nâng cao cảm nhận của khách hàng chất lượng dịch vụ. Các khía cạnh có liên quan như đào tạo nhân sự, giải quyết than phiền cho khách hàng và các vấn đề phát sinh, giao tiếp, lên kế hoạch, làm việc nhóm, quản lý chất lượng,... sẽ được tích hợp giảng dạy trong môn học này. Sinh viên sẽ tham gia giả định như nhân viên của một tổ chức, trải qua các hoạt động như thảo luận nhóm, đóng vai, giải quyết tình huống, phản biện để hiểu rõ được các khía cạnh này và áp dụng tốt nhất vào thực tế để chăm sóc khách hàng trong nhà hàng - bar. |
| 3.6 | RCM1225E | Thực hành pha chế cocktail                        | 3          | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến cách thức pha chế các loại cocktail và mocktail phổ biến cũng như làm sao kết hợp các nguyên liệu với nhau cho phù hợp. Sinh viên được thực hành pha chế các loại thức uống theo công thức đã học và được khuyến khích để sáng tạo ra những công thức mới. Bên cạnh đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức về cách sắp xếp và thiết kế một quầy bar chuyên nghiệp nhằm giúp sinh viên có những kỹ năng cần thiết để có thể vận hành một nhà hàng hoặc quầy bar trong tương lai.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 3.7 | RCM1210E | Thực hành bánh Âu và bánh Á                       | 3          | Học phần cung cấp kiến thức chung trong làm bánh và các món tráng miệng. Hướng dẫn thực hành chế biến một số món bánh và tráng miệng Á-Âu. Giới thiệu các nội dung về thực phẩm, nguyên vật liệu, an toàn vệ sinh, lao động, cũng như các vật dụng, trang thiết bị sử dụng trong bếp Bánh ở lĩnh vực nhà hàng khách sạn. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn thêm nhiều kiến thức hỗ trợ cho việc thiết lập và xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| STT  | Mã HP    | Tên học phần                 | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|------|----------|------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |          |                              |            | thực đơn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 3.8  | RCM1124E | Thiết kế thực đơn            | 3          | Học phần "Thiết kế Thực đơn" (Menu Design) trong ngành Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ Ăn uống kết hợp giáo dục ẩm thực truyền thống với công nghệ 4.0 để cung cấp một trải nghiệm học tập độc đáo và toàn diện. Trong học phần này, sinh viên sẽ không chỉ học về các nguyên tắc cơ bản của việc tạo ra một thực đơn hấp dẫn và cân đối mà còn được trang bị kiến thức về cách sử dụng Trí tuệ Nhân tạo (AI) để phân tích dữ liệu khách hàng, dự báo xu hướng và tối ưu hóa lựa chọn món ăn. Công nghệ như Thực tế Ảo (VR) và Thực tế Tăng Cường (AR) cũng được giới thiệu để tạo ra các thực đơn động và trực quan, tăng cường trải nghiệm của khách hàng. Qua đó, sinh viên sẽ có khả năng thiết kế thực đơn sáng tạo, phản ánh nhu cầu thị trường hiện đại và cung cấp trải nghiệm ẩm thực cá nhân hóa, đồng thời duy trì sự cân nhắc về giá cả và chất lượng. Học phần này hứa hẹn sẽ mở ra những cánh cửa mới và thú vị trong lĩnh vực quản trị nhà hàng, giúp sinh viên không chỉ thành thạo về mặt kiến thức mà còn linh hoạt trong việc áp dụng công nghệ tiên tiến vào ngành công nghiệp ẩm thực. |
| 3.9  | TOU1125E | Quản trị hội nghị và sự kiện | 3          | Học phần trang bị cho người học những kiến thức liên quan đến tổ chức một sự kiện hoặc hội nghị trong khách sạn, các quy trình chung của việc quản lý và tổ chức các sự kiện và hội nghị; phát triển những kỹ năng cần thiết để có khả năng thiết kế một sự kiện – hội nghị; biết cách xác định chủ đề và làm nội dung cho sự kiện, biết cách lên kế hoạch cho một sự kiện – hội nghị, nắm được các bước chuẩn bị liên quan đến hậu cần cũng như xử lý các tình huống phát sinh trong một sự kiện – hội nghị.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 3.10 | RCM2303  | Chuyên đề ẩm thực 1          | 1          | Học phần được tổ chức dưới hình thức Seminar được tổ chức bởi đơn vị nhà hàng trong khách sạn hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ ẩm thực – đối tác chiến lược của trường. Sinh viên tham gia tour ngoại khoá kết hợp buổi Seminar kéo dài khoảng từ 3-4 tiếng tại nhà hàng chuẩn 4-5 sao. Sinh viên được đại diện của doanh nghiệp hướng dẫn tham quan các bộ phận trong nhà hàng cũng như các cơ sở vật chất và dịch vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| STT    | Mã HP    | Tên học phần                    | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|--------|----------|---------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|        |          |                                 |            | có tại đó                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 3.11   | RCM2304  | Chuyên đề ẩm thực 2             | 2          | Kết nối giữa các doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ẩm thực với sinh viên nhằm tạo điều kiện để sinh viên có cơ hội trải nghiệm nhiều loại mô hình ngành du lịch. Bên cạnh đó, sau khóa kiến tập này, sinh viên có thể trải nghiệm được thực tiễn nội dung học tại trường bao gồm những kiến thức về quy trình hoạt động của nhà hàng và doanh nghiệp dịch vụ ăn uống. Bước đầu tiếp xúc với doanh nghiệp và sinh viên hiểu hơn về yêu cầu tuyển dụng và định hướng nghề nghiệp cho bản thân.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 3.12.1 | RCM1105E | Quản trị chi phí trong nhà hàng | 3          | Học phần giới thiệu các kỹ thuật căn bản và các quy trình sử dụng trong ngành nhà hàng để tối ưu hoá lợi nhuận và giảm thiểu chi phí. Mục tiêu quan trọng nhất là gia tăng thị trường và sự tăng trưởng của doanh nghiệp. Sinh viên sẽ được trải nghiệm và thảo luận về các chiến lược giá và quản lý dòng tài chính (cash flow), lợi nhuận (revenue management) – chi phí (cost control) của các nhà đầu tư. Sinh viên còn tập trung giải quyết các vấn đề xảy ra trong quá trình quản trị doanh thu và chi phí trong nhà hàng. Các nguyên tắc quan trọng trong việc lên kế hoạch tài chính và các tác nhân ảnh hưởng đến lợi nhuận – chi phí cũng sẽ được phân tích trong môn học. Từng khía cạnh có liên quan như: chi phí đồ ăn – đồ uống, chi phí nhập nguyên vật liệu - trang thiết bị, chi phí nhân sự, tính giá thực đơn, quản lý việc mất cắp và hao mòn, ... sẽ được giới thiệu chi tiết trong môn học. |
| 3.13.1 | RCM1126  | Vệ sinh an toàn thực phẩm       | 3          | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để đảm bảo vệ sinh và an toàn thực phẩm trong môi trường nhà hàng. Trong học phần này, sinh viên sẽ được học về các nguyên tắc cơ bản và quy định liên quan đến vệ sinh, an toàn thực phẩm, cách xử lý và bảo quản thực phẩm đúng cách để tránh nguy cơ nhiễm khuẩn và bảo đảm chất lượng thực phẩm. Học phần cũng tập trung vào việc phát triển nhận thức về tầm quan trọng của việc tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, không chỉ để bảo vệ sức khỏe của khách hàng mà còn giúp nâng cao uy tín và chất lượng dịch vụ của nhà                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| STT    | Mã HP    | Tên học phần                            | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|--------|----------|-----------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|        |          |                                         |            | hàng. Sinh viên sẽ học được cách áp dụng các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm trong thực tế, từ quy trình chuẩn bị thức ăn đến quản lý và vận hành nhà bếp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 3.14.1 | RCM1114E | Quản trị bán hàng trong nhà hàng và bar | 3          | Học phần cung cấp những kiến thức cần thiết cho sinh viên các nội dung chủ yếu như: Khái niệm và vai trò của Quản trị bán hàng trong nhà hàng - bar; Xây dựng kế hoạch bán hàng của nhà hàng - bar; Tổ chức nhân sự bán sản phẩm chủ yếu là đồ ăn thức uống của nhà hàng - bar; Kiểm soát hoạt động bán sản phẩm của nhà hàng - bar; Các hoạt động hỗ trợ bán hàng cũng như những kỹ năng bán hàng nhằm nâng cao doanh thu của nhà hàng – bar.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 3.15.1 | RCM1127E | Quản lý và phát triển chuỗi nhà hàng    | 3          | Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý và mở rộng một chuỗi nhà hàng. Mục tiêu chính của học phần này là giúp sinh viên hiểu rõ về các chiến lược, quy trình, và thách thức liên quan đến quản lý và phát triển nhiều địa điểm nhà hàng cùng một lúc. Trong học phần này, sinh viên sẽ học về cách xác định vị trí thích hợp, lập kế hoạch mở rộng, quản lý hoạt động hàng ngày, và duy trì chất lượng dịch vụ và thực phẩm nhất quán giữa các nhà hàng trong chuỗi. Sinh viên cũng sẽ được học về cách xây dựng và duy trì thương hiệu, quản lý chuỗi cung ứng, và phát triển chiến lược marketing để tăng cường sự nhận diện và thành công của chuỗi nhà hàng. Ngoài ra, học phần này còn đề cập đến việc sử dụng công nghệ trong quản lý chuỗi nhà hàng, từ hệ thống quản lý thông tin đến phương pháp tiếp thị kỹ thuật số, cũng như quản lý nhân sự và tài chính cho nhiều địa điểm. Sinh viên sẽ học cách đối mặt và giải quyết các thách thức đặc biệt của việc quản lý một chuỗi nhà hàng, bao gồm việc duy trì sự nhất quán và quản lý hiệu quả các tài nguyên. Qua học phần này, sinh viên sẽ có khả năng phát triển kỹ năng quản lý chiến lược và vận hành cần thiết để thành công trong việc quản lý và phát triển một chuỗi nhà hàng, từ quy mô nhỏ đến lớn. |

| STT    | Mã HP    | Tên học phần              | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|--------|----------|---------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3.16.1 | RCM1106  | Kiến thức rượu vang       | 3          | Học phần cung cấp kiến thức về các loại rượu vang trên thế giới, Sinh viên sẽ được học về các tác nhân ảnh hưởng đến quá trình làm rượu và phân loại rượu từ những vùng, lãnh thổ trồng nho khác nhau trên toàn thế giới. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được cung cấp các khái niệm về cách đánh giá các loại rượu vang và cách kết hợp chúng với các món ăn. Từ đó, sinh viên có đủ kiến thức để giới thiệu với khách hàng loại rượu vang phù hợp để sử dụng đối với từng món ăn trong nhà hàng. Đây là một trong những kỹ năng rất chuyên sâu và cần thiết, thể hiện sự chuyên nghiệp và chuyên môn cao cho những bạn sinh viên muốn làm việc trong ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống |
| 3.12.2 | RCM1211E | Thực hành ẩm thực phân tử | 3          | Học phần giới thiệu bước đột phá trong chế biến ẩm thực phân tử. Học viên sẽ khám phá và thực hành các nguyên tắc, kỹ thuật, quy trình cơ bản của ẩm thực phân tử như gel, gel hóa, tạo cầu, chất làm đặc, bột, nhũ tương,... và cách áp dụng chúng vào các nguyên liệu, công thức nấu ăn khác nhau để cân bằng dinh dưỡng cho mỗi món ăn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 3.13.2 | RCM1123E | Quản trị bếp              | 3          | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý một bếp chuyên nghiệp. Từ việc lên kế hoạch sản xuất đến quản lý nhân sự và an toàn thực phẩm, giúp sinh viên chuẩn bị sẵn sàng cho sự nghiệp trong lĩnh vực ẩm thực và dịch vụ thực phẩm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 3.14.2 | RCM1208  | Thực hành món Á           | 3          | Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng quan trọng trong việc chế biến và trình bày các món ăn mang đậm văn hoá Châu Á với các kỹ thuật và vật dụng chuyên nghiệp. Học phần cũng chia sẻ những ý tưởng về việc phát triển văn hoá ẩm thực Châu Á và các phương pháp làm các món ăn trở nên độc đáo, tuyệt vời hơn. Ngoài ra học phần cũng chú trọng giới thiệu lịch sử, các nguyên liệu, các lý thuyết về kỹ thuật nấu ăn, các quy trình chuẩn bị,... từ truyền thống đến hiện đại trong ẩm thực Châu Á.                                                                                                                                                                                  |

| STT                        | Mã HP    | Tên học phần                    | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------------------------|----------|---------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3.15.2                     | RCM1209E | Thực hành món Âu                | 3          | Ẩm thực Châu Âu có nhiều điểm độc đáo và khác biệt so với ẩm thực Châu Á. Đối với học phần này, các lý thuyết căn bản, kỹ thuật và quy trình thực hiện các món ăn Châu Âu sẽ được giới thiệu và hoàn thiện qua từng bài học. Học phần chú trọng giới thiệu lịch sử, các nguyên liệu, các lý thuyết về kỹ thuật nấu ăn, các quy trình chuẩn bị,...từ truyền thống đến hiện đại trong ẩm thực Châu Âu. Thông qua học phần, sinh viên có thể hiểu tất cả các loại thịt, cá, rau củ quả đều có cách chế biến và trình bày rất khác trong món ăn Châu Âu. Các kỹ thuật như áp chảo (sautéing), nướng (roasting), hầm (braising), chần (poaching), chiên (frying),...đều sẽ được thực hành trong học phần và sinh viên sẽ được kiểm tra, hỗ trợ để hoàn thiện các kỹ năng này.                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 3.16.2                     | RCM1128  | Khởi nghiệp kinh doanh nhà hàng | 3          | Học phần cung cấp cho sinh viên cái nhìn toàn diện và sâu sắc về việc khởi sự và quản lý một doanh nghiệp nhà hàng. Trọng tâm của học phần này không chỉ là giáo dục về các nguyên tắc cơ bản của việc khởi nghiệp nhà hàng, mà còn là việc tích hợp các công nghệ 4.0 như Trí tuệ Nhân tạo (AI) vào quá trình kinh doanh. Trong học phần này, sinh viên sẽ học về cách lập kế hoạch kinh doanh, phân tích thị trường, quản lý tài chính, và chiến lược marketing. Đồng thời, học phần cũng tập trung vào việc áp dụng các công nghệ mới như AI để phân tích dữ liệu khách hàng, tối ưu hóa dịch vụ, và cải thiện quy trình vận hành. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách sử dụng các công cụ và phần mềm quản lý nhà hàng hiện đại, từ hệ thống quản lý đơn hàng, quản lý tồn kho, đến các nền tảng quảng cáo và tiếp thị trực tuyến. Học phần nhấn mạnh vào việc sử dụng công nghệ để tạo lợi thế cạnh tranh, đồng thời giúp sinh viên hiểu rõ về cách thức công nghệ và đổi mới có thể giúp họ xây dựng và phát triển doanh nghiệp nhà hàng một cách thành công và bền vững. |
| <b>4. Kiến thức bổ trợ</b> |          |                                 |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã HP   | Tên học phần     | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|---------|------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.1 | SKI1107 | Project design 1 | 3          | Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về tư duy thiết kế dự án theo quy trình logic, khoa học. Trong quy trình này người học sẽ chủ động khám phá và xác định các vấn đề cần giải quyết. Bằng cách phân tích các vấn đề thực tế trong xã hội dựa trên cơ sở dữ liệu, người học sẽ nắm bắt được các kỹ thuật cần thiết để đưa ra phương án giải quyết mới có tính đổi mới, sáng tạo. Người học đề xuất ý tưởng, kiểm chứng mức độ khả thi thông qua các hoạt động nhóm. Trong quá trình thực hiện dự án người học rèn luyện khả năng tự tìm tòi, năng lực suy nghĩ, phán đoán, khả năng diễn đạt, năng lực giao tiếp và khả năng lãnh đạo. Các dự án sáng tạo, đổi mới có tính ứng dụng cao trong thực tiễn, đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.                                                                                                                                                                                         |
| 4.2 | SKI1108 | Project design 2 | 3          | Học phần cung cấp quy trình thương mại hóa ý tưởng kinh doanh một cách logic, khoa học nhằm trang bị cho sinh viên tư duy trong đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Học phần tập trung phát triển các ý tưởng kinh doanh, áp dụng mô hình NABC (Needs – Approach – Benefits/ Costs – Competition) trong việc mô tả và diễn đạt tuyên ngôn giá trị của các ý tưởng kinh doanh. Dự án sáng tạo nhóm sẽ được liên tục gia tăng giá trị thông qua quá trình cải tiến giá trị liên tục (Value Creation Forum: VCF) và được thể hiện qua Poster nhằm cung cấp cho khách hàng/ các bên liên quan bức tranh tổng quan nhất về dự án. Mỗi nhóm đóng vai trò như một mô hình của một tổ chức hoặc doanh nghiệp để hoàn thiện dự án thông qua các hoạt động: khảo sát, đánh giá, phân tích thị trường, công nghệ, khách hàng, kiểm nghiệm ý tưởng trước khi đưa ra thị trường nhằm góp phần đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (Sustainable Development Goals: SDGs). |
| 4.3 | DMK1101 | Công dân số      | 3          | Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng, và tư duy khi gia nhập vào thế giới số với sự kết nối toàn cầu qua mạng Internet. Người học sẽ được tìm hiểu về các nội dung: cách trở thành thành viên của thế giới số và tận dụng cơ hội để phát triển bản thân; cách                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| STT | Mã HP   | Tên học phần                     | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|---------|----------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |         |                                  |            | hành xử đúng mực, văn minh trên cộng đồng mạng, và cách bảo vệ bản thân trước những rủi ro và tác hại tiêu cực của môi trường số.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 4.4 | ECO1113 | Công dân toàn cầu                |            | Học phần trình bày cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến công dân toàn cầu. Sinh viên có thể áp dụng những kiến thức từ học phần để xây dựng lộ trình trở thành công dân toàn cầu và thực hiện các dự án vì cộng đồng. Học phần có các nội dung chính: Toàn cầu hóa; Xã hội; Chính trị; Môi trường; Kỷ nguyên số; Xây dựng lộ trình để trở thành công dân toàn cầu.                                                                                                                                                               |
| 4.5 | JPN1163 | Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản | 3          | Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách cư xử, ứng xử và giao tiếp với mọi người để đạt được thành công trong cuộc sống của người Nhật. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học hiểu rõ bản thân, thành thật với chính mình, hiểu biết và quan tâm đến những người xung quanh để nhìn ra và khơi gợi những tiềm năng ẩn khuất, giúp phát triển bản thân lên một tầm cao mới.                                                                                                                                                   |
| 4.6 | JPN1108 | Đất nước học Nhật Bản            | 3          | Học phần cung cấp những thông tin chi tiết về nhiều khía cạnh của đất nước Nhật Bản, như địa lý, lịch sử, kinh tế, chính trị, xã hội, ngoại giao,... Ngoài ra, nội dung học phần còn đề cập đến nhiều vấn đề mang tính chất vĩ mô đất nước Nhật Bản: giao thông, thương mại, quốc phòng,... Thông qua học phần, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về đất nước, con người Nhật Bản với những nét văn hóa, truyền thống độc đáo, góp phần tăng thêm sự hiểu biết quốc tế tốt hơn thông qua các mô tả chân thực, đầy quyến rũ của Nhật Bản. |
| 4.7 | CHI1122 | Đất nước học Trung Quốc          | 3          | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về đất nước và con người Trung Quốc, giúp sinh viên khái quát về những nét đặc trưng ở các lĩnh vực của Trung Quốc. Nội dung học phần phong phú, các chủ đề đa dạng, bao gồm các lĩnh vực địa lý, lịch sử, dân số, chính trị, kinh tế, giáo dục, tư tưởng, tôn giáo, nghệ thuật Trung Quốc...                                                                                                                                                                                      |

| STT  | Mã HP   | Tên học phần                | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|------|---------|-----------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.8  | ECO1108 | Địa lý kinh tế thế giới     | 3          | Học phần giới thiệu cho người học hiểu về hệ thống lãnh thổ kinh tế - xã hội thế giới; mối quan hệ tương tác chủ yếu trong và giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển trên thế giới trong thời kỳ hiện đại như những đặc điểm phát triển kinh tế nổi bật của các khu vực trên thế giới, những biến động chính trị, xã hội tác động đến kinh tế của từng khu vực trong bối cảnh toàn cầu hóa. Học phần cũng sử dụng biện pháp minh họa bằng bản đồ kinh tế - chính trị - xã hội và những thay đổi đáng kể gần đây đối với từng khu vực trong nền kinh tế thế giới.                                                                                                                                                               |
| 4.9  | PSY1137 | Giáo dục sức khỏe tinh thần | 3          | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ cơ bản nhất liên quan đến sức khỏe tinh thần như: Tổng quan sức khỏe tinh thần; Một số rối loạn tinh thần thường gặp; Định kiến và kỳ thị về sức khỏe tinh thần; Bối cảnh xã hội của rối loạn tinh thần; Sức khỏe tinh thần ở cộng đồng; Sức khỏe tinh thần ở sinh viên; Đa dạng tính dục; Chăm sóc sức khỏe tinh thần. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể chủ động trong việc nhận diện, phòng ngừa, chăm sóc sức khỏe tâm thần của bản thân và người khác.                                                                                                                                                                                                           |
| 4.10 | ENC1121 | Giao tiếp liên văn hóa      | 3          | Học phần giúp sinh viên có cái nhìn đa chiều về sự việc, hiện tượng có liên quan đến văn hóa của một địa phương, vùng, toàn cầu, giúp sinh viên tôn trọng sự khác biệt, tôn trọng giá trị đạo đức riêng của mỗi dân tộc được tham chiếu từ chính những chuẩn mực văn hóa của riêng họ nhằm tăng năng lực giao tiếp liên văn hóa với người khác. Thông qua học phần, vấn đề toàn cầu hóa và giao thương quốc tế, những nguyên nhân gây đổ vỡ trong giao tiếp khác vùng miền, khác quốc gia nhìn dưới góc độ văn hóa sẽ được đưa ra bàn luận dưới nhiều góc nhìn khác nhau. Người học có thể hiểu được những khác biệt văn hóa, những giá trị văn hóa đối lập và những khác biệt trong giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trên thế giới. |
| 4.11 | LAW1195 | Luật công bằng và tín thác  | 3          | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc công bằng (equity) và luật tín thác (trust), cung cấp kiến thức đầy đủ về các khái niệm, nguyên tắc và ứng dụng của công bằng và tín thác trong hệ thống pháp luật. Học phần tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| STT  | Mã HP   | Tên học phần          | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|------|---------|-----------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |         |                       |            | trung vào các nội dung sau: (i) Nghiên cứu về nguồn gốc và sự phát triển của công bằng và tín thác; (ii) Nghiên cứu về các loại hình tín thác, cách thức thành lập và quản lý tín thác; (iii) Nghiên cứu về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong tín thác; (iv) Nghiên cứu về các biện pháp bảo vệ quyền lợi trong công bằng, bao gồm các biện pháp khắc phục công bằng và trách nhiệm ủy thác (fiduciary duties).                                                                              |
| 4.12 | LAW1111 | Luật thương mại       | 3          | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động thương mại và dịch vụ, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến thương nhân. Pháp luật về các hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam, bao gồm những nội dung cơ bản sau: khái niệm về thương nhân và về các hoạt động thương mại; các hoạt động thương mại cụ thể; quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại; các chế tài trong hoạt động thương mại.             |
| 4.13 | LAW1116 | Luật quốc tế          | 3          | Học phần cung cấp những kiến thức sau: Nguồn gốc, khái niệm, đặc trưng, cấu trúc, quy phạm và bản chất của luật quốc tế; Phân biệt luật quốc tế và luật quốc gia; Môi quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế với luật quốc gia; Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; Hệ thống và đặc điểm của nguồn luật quốc tế; Những nội dung cơ bản về dân cư, lãnh thổ- biên giới quốc gia; Những nội dung cơ bản về luật biển quốc tế, luật ngoại giao- lãnh sự.                                                  |
| 4.14 | GPD1135 | Nghệ thuật học cơ bản | 3          | Học phần nhằm truyền cảm hứng, mong muốn thưởng thức, cảm thụ nghệ thuật cho sinh viên. Phát triển sự hiểu biết cơ bản về 7 loại hình nghệ thuật: Kiến trúc, Hội họa, Điêu khắc, Âm nhạc, Văn học, Sân khấu, Điện ảnh. Những kiến thức này giúp gia tăng trí tuệ cảm xúc, góp phần tạo ra một đời sống cân bằng cho sinh viên trong quá trình hoạt động nghề nghiệp. Qua học phần, sinh viên sẽ có một đời sống tinh thần phong phú, phát triển thêm những kỹ năng mềm giúp ích cho nghề nghiệp sau này. |

| STT  | Mã HP   | Tên học phần                                       | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------|---------|----------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.15 | HRM1111 | Nghệ thuật lãnh đạo                                | 3          | Học phần giới thiệu sự tương quan giữa quản lý và lãnh đạo. Những yêu cầu và phẩm chất cần thiết để trở thành nhà lãnh đạo nhóm, lãnh đạo tổ chức. Các phong cách lãnh đạo: phong cách dân chủ, phong cách độc đoán, phong cách tự do. Nhấn mạnh tính nghệ thuật trong lãnh đạo với những đặc trưng như: tính sáng tạo-độc đáo, tính linh hoạt, tính tổng hợp, tính hiệu quả thực tế, tính khoa học và các nội dung cơ bản của nghệ thuật lãnh đạo như: nghệ thuật điều hành, nghệ thuật giao tiếp, nghệ thuật động viên-kích lệ, nghệ thuật sử dụng quyền lực, nghệ thuật dùng người, nghệ thuật tùy cơ ứng biến... Học phần cũng đề cập đến vai trò, trách nhiệm của người lãnh đạo nhóm: trách nhiệm đối với cá nhân, trách nhiệm đối với công việc, trách nhiệm đối với nhóm và thể hiện vai trò lãnh đạo nhóm. Phân biệt quyền hạn và quyền lực, nghệ thuật giao quyền và ủy quyền công việc hiệu quả. Giới thiệu nghệ thuật phát hiện, lựa chọn và sử dụng nhân tài; một nhiệm vụ rất quan trọng đối với người làm công tác quản lý. |
| 4.16 | HMM1137 | Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp | 3          | Học phần trang bị những kiến thức và kỹ năng liên quan đến phong cách, trang phục, hình thể. Bên cạnh đó, học phần còn giúp người học phát triển được những kỹ năng liên quan đến xây dựng hình ảnh cá nhân, lựa chọn trang phục, giao tiếp với đồng nghiệp và khách hàng, nói chuyện qua điện thoại, ngôn ngữ biểu cảm, kiểm soát cảm xúc, kỹ năng đi đứng nhẹ nhàng....nhằm tạo dựng cho từng cá nhân hình ảnh chuyên nghiệp và tạo ấn tượng nơi làm việc, góp phần nâng cao hiệu quả công việc và tăng sự hài lòng cho đồng nghiệp, đối tác và khách hàng. Từ đó, đáp ứng được yêu cầu cơ bản đối với những nhân sự làm việc trong ngành dịch vụ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 4.17 | IRE1130 | Nghiệp vụ ngoại giao                               | 3          | Học phần cung cấp cho sinh viên một số công tác của nghiệp vụ ngoại giao như công tác lễ tân ngoại giao, công tác lãnh sự, công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại, công tác tiếp xúc, đàm phán ngoại giao, công tác nghiên cứu ngoại giao; Người học sẽ được trang bị các kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hoạt động lễ tân ngoại giao của các quốc gia cũng như của Việt Nam. Môn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| STT  | Mã HP   | Tên học phần               | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|------|---------|----------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |         |                            |            | học gồm 4 nhóm vấn đề chính: (1) Khái quát về lễ tân ngoại giao; (2) Ngôi thứ và cách sắp xếp vị trí trong lễ tân ngoại giao; (3) Nghi thức ngoại giao; (4) Tiệc ngoại giao và cách tổ chức.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 4.18 | DAS1125 | Nhập môn chuyển đổi số     | 3          | Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về xu hướng chuyển đổi số trên thế giới và Việt Nam, định nghĩa và khái niệm chuyển đổi số cho doanh nghiệp, lộ trình chuyển đổi số cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các công cụ đánh giá mức độ sẵn sàng trong chuyển đổi số của doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các giải pháp công nghệ theo lộ trình chuyển đổi số.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 4.19 | IRE1108 | Những vấn đề toàn cầu      | 3          | Học phần cung cấp bức tranh toàn cảnh về các vấn đề toàn cầu hiện nay trên thế giới. Học phần đi sâu giới thiệu về những vấn đề toàn cầu nổi bật hiện nay trên thế giới cũng như đối với Việt Nam như vũ khí hủy diệt hàng loạt, môi trường, dân số, tội phạm quốc tế, năng lượng, đói nghèo,... Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về các vấn đề toàn cầu từ khái niệm, phân loại, quá trình hình thành và phát triển, thực trạng hiện nay, tình hình và các phương thức hợp tác quốc tế, thuận lợi và khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu. Môn học cũng giới thiệu cơ sở lý luận về vấn đề toàn cầu như khái niệm và phân loại, nền tảng quy định tính toàn cầu của vấn đề, các lý thuyết và quan niệm khác nhau trong từng vấn đề toàn cầu. Qua đó, môn học góp phần trang bị cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế. |
| 4.20 | DAS1124 | Phân tích dữ liệu ứng dụng | 3          | Học phần giới thiệu các kỹ thuật và tư duy phân tích dữ liệu cơ bản qua các ứng dụng cụ thể. Cụ thể học phần sẽ trình bày về các phương pháp phân tích dữ liệu sử dụng Excel và áp dụng trong các lĩnh vực cụ thể như kinh tế-kinh doanh, tài chính, marketing, bất động sản, ... Qua đó sẽ khai phá được những thông tin hữu ích của dữ liệu, mang đến nhiều lợi ích cho tổ chức, doanh nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| STT  | Mã HP   | Tên học phần              | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|------|---------|---------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.21 | LAW1107 | Pháp luật về doanh nghiệp | 3          | <p>Học phần Pháp luật doanh nghiệp là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và những quy định pháp luật về doanh nghiệp; cung cấp cho sinh viên kiến thức đầy đủ về mô hình doanh nghiệp, thủ tục thành lập doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể và phá sản doanh nghiệp. Theo đó, học phần tập trung vào những nội dung cơ bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghiên cứu về điều kiện thành lập, tổ chức, quản lý và tài chính của các chủ thể kinh doanh.</li> <li>• Nghiên cứu về dấu hiệu phá sản doanh nghiệp; Giải quyết phá sản doanh nghiệp, theo quy định của pháp luật.</li> </ul> <p>Nghiên cứu về giải thể, các cách thức tổ chức lại doanh nghiệp.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 4.22 | IRE1151 | Phát triển bền vững       | 3          | <p>Học phần Phát triển bền vững ngày càng quan trọng, phản ánh sự nhận thức ngày càng tăng về nhu cầu tiếp cận phát triển toàn diện và bền vững. Học phần này có tính liên ngành cao, trang bị cho sinh viên kiến thức và hiểu biết về các nguyên tắc, thách thức và giải pháp tiềm năng của phát triển bền vững, được tích hợp phù hợp với nhiều chuyên ngành khác nhau. Học phần giới thiệu các khái niệm cốt lõi như sự kết nối của các hệ thống xã hội, kinh tế và môi trường, tầm quan trọng của quản lý tài nguyên cùng nguyên tắc công bằng giữa các thế hệ. Học phần nhấn mạnh các ứng dụng thực tiễn thông qua các nghiên cứu điển hình, dự án và sự tham gia của cộng đồng, cho phép sinh viên áp dụng kiến thức vào các vấn đề thực tế. Sinh viên được khuyến khích phân tích phản biện các vấn đề phức tạp, đánh giá các quan điểm khác nhau và phát triển các giải pháp sáng tạo cho phát triển bền vững. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có nhận thức sâu sắc về tính cấp thiết của phát triển bền vững, thể hiện trách nhiệm xã hội rõ ràng, nhận diện hiệu quả các vấn đề thực tiễn và chủ động hành động một cách có ý thức.</p> |

| STT  | Mã HP   | Tên học phần                 | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------|---------|------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.23 | FIN1152 | Quản lý tài chính cá nhân    | 3          | Trong trong bối cảnh cuộc sống thay đổi nhanh chóng như hiện nay, con người ngày càng thường xuyên phải đối mặt với những biến động diễn ra ngoài dự kiến như: nền kinh tế suy thoái, phá sản, thất nghiệp, tử vong đột ngột...làm những mục tiêu tương lai có nguy cơ khó thành hiện thực. Quản lý tài chính tài chính trở nên một công việc vô cùng cần thiết, giúp cá nhân có sự chuẩn bị vững chắc trong tương lai và đem lại sự cân bằng ổn định trong cuộc sống. Quản lý tài chính giúp cá nhân xây dựng định hướng trong những lĩnh vực quan trọng: từ lựa chọn nghề nghiệp, lập kế hoạch ngân sách, danh mục đầu tư tài chính cá nhân đến lập kế hoạch cho tuổi già, tuổi nghỉ hưu...Một tình hình tài chính lành mạnh sẽ giúp cá nhân chủ động trong những quyết định, đạt được những mục tiêu đã đề ra, và được bảo vệ an toàn hơn trước những biến cố. Học phần này nghiên cứu những khái niệm, nguyên tắc, công cụ và phương pháp vận dụng kiến thức quản lý tài chính cá nhân trong một số lĩnh vực chính của cuộc sống nhằm xây dựng nền tảng tài chính vững chắc trong tương lai. Nội dung cốt lõi của học phần này bao gồm 3 phần: (1) lên kế hoạch tài chính cá nhân; (2) quản lý tài sản cá nhân, tín dụng, bảo hiểm, đầu tư; và (3) là hoạch định cho tuổi già, tuổi hưu trí và di sản. |
| 4.24 | IBU1115 | Quản trị chiến lược toàn cầu | 3          | Học phần giúp sinh viên hiểu được động lực thúc đẩy toàn cầu hóa tập hợp các khía cạnh quản lý chiến lược toàn cầu ở các công ty toàn cầu. Đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng quản lý chiến lược thực tế cho sinh viên phải đối mặt với việc toàn cầu hóa của doanh nghiệp, đối phó với những vấn đề quản lý toàn cầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 4.25 | PSY1103 | Tâm lý giao tiếp             | 3          | Học phần cung cấp những kiến thức căn bản, nền tảng về tâm lý học; Nhận diện các hiện tượng tâm lý người; hiểu biết về sự đa dạng phong phú trong đời sống tâm lý con người; Nắm vững các quy luật hình thành hiện tượng tâm lý người; Nhận thức các yếu tố khách quan và chủ quan quy định nên tâm lý người; Cung cấp những kiến thức lí luận về giao tiếp và ứng xử (khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò và những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng đến giao tiếp- ứng xử); Cấu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| STT  | Mã HP   | Tên học phần                         | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|------|---------|--------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |         |                                      |            | trúc của hành vi giao tiếp, những hình thức và phương tiện giao tiếp - ứng xử; Bản chất của giao tiếp; Kỹ năng và hiệu quả trong giao tiếp ứng xử.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 4.26 | ADS1101 | Thuyết trình sáng tạo                | 3          | Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết và thực hành các kỹ thuật trình bày vấn đề, thể hiện ý tưởng, thuyết phục người nghe, nhằm giúp người học làm chủ quá trình trình bày các ý tưởng quảng cáo, các giải pháp và kế hoạch, chiến lược quảng cáo, thuyết phục khách hàng. Học phần bao gồm các phần từ xác định mục tiêu, sáng tạo ý tưởng, chuẩn bị nội dung, chuẩn bị phương tiện, kỹ thuật trình bày và các công nghệ hỗ trợ. Học phần nhấn mạnh đến sự kết hợp giữa tính sáng tạo, độc đáo trong ý tưởng quảng cáo và tính sáng tạo, hiệu quả trong phương thức trình bày, thuyết phục; nhằm tạo ra những phần trình bày ấn tượng, hỗ trợ tích cực cho các hoạt động thương mại: chào bán sản phẩm, trình bày, đàm phán thương lượng... trong lĩnh vực quảng cáo. |
| 4.27 | DMK1114 | Tư duy thẩm mỹ                       | 3          | Học phần giúp người học bồi dưỡng năng lực tư duy thẩm mỹ, không chỉ trong phạm vi nghệ thuật, mà còn là ở tất cả các lĩnh vực khác trong đời sống. Người học sẽ được tiếp cận và nắm bắt được khái niệm về giá trị thẩm mỹ từ các hoạt động vui chơi giải trí đến hoạt động lễ hội, văn hoá, thể thao, hay ngay cả hoạt động lao động sản xuất, giáo dục, y tế, quân sự,... Môn học còn trang bị cho người học kiến thức mỹ học trong đa dạng ngành nghề và tạo điều kiện để người học phát triển tư duy thẩm mỹ của bản thân trong tương lai.                                                                                                                                                                                                                             |
| 4.28 | TOU1145 | Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách sạn | 3          | Học phần được thiết kế để giúp sinh viên nâng cao kỹ năng và kiến thức về văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách sạn. Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản đến nâng cao về ứng xử tại bàn tiệc, cách sử dụng các dụng cụ ăn uống một cách lịch sự và chuyên nghiệp, cũng như các kỹ năng giao tiếp và ngoại giao trong môi trường xã hội và kinh doanh. Học phần còn giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các chuẩn mực văn hóa khác nhau liên quan đến ăn uống và giao tiếp trên bàn tiệc, qua đó hỗ trợ sinh viên phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực tổ chức sự kiện, quản lý                                                                                                                                                                                          |

| STT  | Mã HP   | Tên học phần                  | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------|---------|-------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |         |                               |            | nhà hàng, và các ngành nghề liên quan đến dịch vụ khách hàng. Khóa học này hỗ trợ cho các học phần khác trong chương trình đào tạo về quản lý khách sạn và du lịch, cung cấp một nền tảng vững chắc cho những ai xem ngành dịch vụ là nghề nghiệp tương lai.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 4.29 | SOS1108 | Văn hoá các nước Đông Nam Á   | 3          | Học phần giới thiệu một cách hệ thống những thông tin cơ bản về diện tích, dân số, đặc điểm lịch sử, cộng đồng dân cư và văn hóa, tình hình phát triển kinh tế - xã hội; tìm hiểu các phong tục tập quán và danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch nổi tiếng cũng như bản sắc tộc người và hiện trạng khai thác tiềm năng phát triển du lịch của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. So sánh những nét tương đồng và khác biệt giữa văn hóa khu vực và văn hóa bản địa Việt Nam; đánh giá khả năng hợp tác, phát triển của ngành du lịch ASEAN, hướng đến việc hiện thực hóa Cộng đồng văn hóa - xã hội ASEAN.                                  |
| 4.30 | KOR1147 | Văn hóa truyền thống Hàn Quốc | 3          | Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa truyền thống của Hàn Quốc bao gồm văn hóa ứng xử của người Hàn đối với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội như: khái quát về Hàn Quốc (đất nước, con người), lịch sử văn hóa Hàn Quốc, đời sống văn hóa người Hàn. Kiến thức của học phần cung cấp để sinh viên có thể hiểu được văn hóa truyền thống của người Hàn, có thể phân tích, so sánh đặc điểm văn hóa với các nước phương Đông; tìm hiểu điểm giống và khác giữa văn hóa truyền thống Hàn Quốc và Việt Nam để sinh viên gìn giữ bản sắc văn hóa Việt và có ứng xử phù hợp trong các hoạt động giao lưu quốc tế giữa hai nước. |
| 4.31 | IRE1138 | Văn minh nhân loại            | 3          | Học phần Văn minh nhân loại được thiết kế để đạt được một số mục tiêu: 1) giúp sinh viên làm quen với các thông tin cơ bản về địa lý, lịch sử và văn hóa mà mọi người cần biết để trở thành một công dân toàn cầu hiểu biết của thế giới, 2) tạo nền tảng cho các khóa học sau này trong nhiều lĩnh vực trong đó giả định những kiến thức tổng quát như vậy, 3) minh họa sự đa dạng phong phú mà loài người đã tìm thấy để sống trong các nền văn minh và 4) kích thích sự tò mò của bạn để tìm hiểu thêm. Xin lưu ý rằng đây                                                                                                                     |

| STT                        | Mã HP   | Tên học phần         | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|----------------------------|---------|----------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                            |         |                      |            | không phải là một khóa học lịch sử truyền thống. Điều này có nghĩa là các nội dung học phần về văn học, kiến trúc, nghệ thuật và âm nhạc không chỉ đơn thuần là bổ sung, mà là một phần cốt lõi của khóa học. Chúng tôi sẽ nhấn mạnh các chủ đề và khuôn mẫu văn hóa hơn là các sự kiện và trình tự thời gian. Bạn sẽ được yêu cầu ghi nhớ rất ít ngày tháng; nhưng bạn sẽ phải theo dõi và so sánh các khái niệm giữa các nền văn minh khác nhau.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>5. Thực tập thực tế</b> |         |                      |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 5.1                        | RCM1312 | Thực tập tốt nghiệp  | 3          | Học phần giúp sinh viên làm quen với môi trường tổ chức và hoạt động thực tế tại doanh nghiệp và các tổ chức. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức chuyên môn và các kỹ năng đã được học tập và rèn luyện vào các công việc thực tế của doanh nghiệp và các tổ chức liên quan đến lĩnh vực kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống. Sinh viên có thể phân tích các quy trình công việc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, chuỗi ẩm thực, chế biến món ăn... và đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy trình công việc chuyên môn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 5.2                        | RCM1421 | Chuyên đề tốt nghiệp | 6          | Học phần dành cho các sinh viên đã học xong tất cả các môn học chuyên ngành bắt buộc của khóa học, thỏa điều kiện về điểm học tập của Khoa quy định, và có mong muốn đăng ký thực hiện đề tài môn học Chuyên đề tốt nghiệp. Môn học yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài dưới dạng thức là một dự án hay một bài tập lớn, có nội dung liên quan đến các kiến thức chuyên ngành của khóa học. Khi thực hiện chuyên đề, sinh viên sẽ được đề xuất đề tài hay được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo quy định, sinh viên sẽ nộp báo cáo chuyên đề và các sản phẩm, giải pháp, phần mềm đã thực hiện để được kiểm tra, đánh giá kết quả. Việc thực hiện chuyên đề tốt nghiệp phải theo đúng quy định, thông báo của Khoa về các mốc thời gian, mẫu báo cáo thuyết minh và các quy định khác về việc bảo vệ chuyên đề. |

| STT                                                | Mã HP   | Tên học phần         | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----------------------------------------------------|---------|----------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5.3                                                | RCM1422 | Khóa luận tốt nghiệp | 6          | Học phần dành cho các sinh viên đã học xong tất cả các môn học chuyên ngành bắt buộc của khóa học, thỏa điều kiện về điểm học tập của Khoa quy định, và có mong muốn đăng ký thực hiện đề tài môn học Khóa luận tốt nghiệp. Học phần này giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một khóa luận tốt nghiệp. Môn học yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài dưới dạng thức là một dự án hay một bài tập lớn, có nội dung liên quan đến các kiến thức chuyên ngành của khóa học. Khi thực hiện, sinh viên sẽ được đề xuất hay được giao đề tài và giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo quy định, sinh viên sẽ nộp báo cáo khóa luận và các sản phẩm, giải pháp và phần mềm đã thực hiện và trình bày trước Hội đồng để được kiểm tra, đánh giá kết quả. Việc thực hiện Khóa luận tốt nghiệp phải theo đúng quy định, thông báo của Khoa về các mốc thời gian, mẫu báo cáo thuyết minh và các quy định khác về việc bảo vệ chuyên đề. |
| <b>6. Kiến thức không tích lũy</b>                 |         |                      |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>6.1. Giáo dục thể chất</b>                      |         |                      |            | Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, các kỹ thuật, phương pháp tập luyện nhằm rèn luyện và nâng cao sức khỏe, thẩm mỹ. Người học có thể chọn các học phần yêu thích để tập luyện phù hợp với thể lực của bản thân như: Thể hình thẩm mỹ (GYM), Aerobic, Boxing, Vovinam, DanceSport.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>6.2. Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)</b> |         |                      |            | Học phần trang bị cho người học hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng. Môn học được phân thành 04 phần: phần 1- Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã HP | Tên học phần | Số tín chỉ | Mô tả tóm tắt nội dung học phần                                                                                                                                       |
|-----|-------|--------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |       |              |            | Nam, phần 2- Công tác quốc phòng an ninh, phần 3- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn, phần 4- Hiểu biết chung về quân, binh chủng. |

### III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo kế hoạch giảng dạy và học tập từng năm học của Trường.

2. Một số học phần đặc biệt, thể hiện bản sắc riêng của UEF, được tổ chức đào tạo theo định hướng sau:

- Đào tạo các học phần tiếng Anh: Các học phần ngoại ngữ Tiếng Anh 1 đến Tiếng Anh 6 được bố trí ở các học kỳ đầu (HK1, HK2, HK3). Từ HK4 trở đi, bố trí các học phần chuyên môn bằng tiếng Anh (có 12 học phần chuyên môn được giảng dạy bằng tiếng Anh) nhằm giúp người học sau tốt nghiệp có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh trong quá trình thực hiện các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

- Đào tạo kỹ năng: Học phần Project Design 1 được giảng dạy ở năm thứ nhất, Project Design 2 được giảng dạy ở năm thứ hai, hình thành cho người học phương pháp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy, phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua một dự án. Trên cơ sở đó giúp người học phát triển các kỹ năng qua các học phần chuyên môn ở các học kỳ năm học tiếp theo; đồng thời giúp phát triển tối đa năng lực tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề thực tế của người học, nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội thông qua các chủ đề xoay quanh các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs), thúc đẩy năng lực học tập suốt đời.

- Đào tạo chuyên môn định hướng nghề nghiệp: Từ HK1 năm thứ nhất, người học được tiếp cận các học phần nhập môn, học phần cơ sở ngành và được tiếp cận với các lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn thông qua các hoạt động tham quan, kiến tập, hội thảo chuyên đề... Ở học kỳ cuối sinh viên phải tham gia thực tập tốt nghiệp bắt buộc (toàn thời gian tại đơn vị thực tập, tối thiểu 12 tuần) và chọn thực hiện khóa luận tốt nghiệp, hoặc chuyên đề tốt nghiệp, hoặc học thay thế bằng 2 học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

3. Các học phần trong chương trình đào tạo được phân định quản lý theo chuyên môn cho các đơn vị khoa/ viện/ trung tâm (gọi chung là đơn vị quản lý học phần) theo Quy định về phân định quản lý sinh viên và học phần hiện hành của Trường

4. Việc thiết kế các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả học tập của người học được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trường về việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học.

5. Các học phần được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất được Hiệu trưởng ban hành.

6. Việc tổ chức giảng dạy và học tập, kiểm tra, đánh giá học phần, xét tốt nghiệp và

công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và các quy chế, quy định có liên quan khác của Trường.

7. Đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định của Trường. Đơn vị quản lý học phần phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của học phần theo quy định của Trường.

8. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, ban hành theo Quyết định số .../QĐ-UEF ngày ... tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật mỗi 02 năm một lần; kết quả rà soát, đánh giá được đơn vị quản lý chương trình áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

10. Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, nếu phát sinh yêu cầu cần thiết phải điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải làm tờ trình nêu rõ căn cứ/ lý do của việc điều chỉnh, phạm vi áp dụng, thời điểm bắt đầu áp dụng, nội dung đề nghị điều chỉnh và dự kiến tác động của việc điều chỉnh chương trình đào tạo; kèm theo biên bản họp Hội đồng khoa và các minh chứng cần thiết khác. Việc đề xuất điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo không được làm ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của học kỳ hiện tại. Phòng Đào tạo tiếp nhận tờ trình từ đơn vị quản lý chương trình đào tạo, rà soát và có ý kiến, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

11. Khi có thay đổi về giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo hoặc theo yêu cầu điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần phải được rà soát và cập nhật. Đơn vị quản lý học phần phối hợp với đơn vị quản lý chương trình đào tạo tổ chức việc rà soát, cập nhật, ghi rõ thời điểm áp dụng đề cương chi tiết mới cập nhật. Đề cương chi tiết sau khi hoàn tất cập nhật được gửi cho Phòng Đào tạo rà soát, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

12. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thanh Giang**